

# LUẬN CÂU-XÁ SỚ

## QUYỂN 3

### **Phẩm 2: PHÂN BIỆT CĂN** (PHẦN 1)

#### **1. Tên gọi khác nhau:**

Nói về nghĩa căn v.v... cách đặt tên có khác nhau.

“Luận Câu-xá” gọi là “Phẩm căn”.

“Tập tâm” gọi là “Phẩm Hành”.

“Luận nhân minh nhập Chánh Lý” gọi là “sai khác phẩm”. Nhưng Tập tâm kết hợp “phẩm căn” và “Thế phẩm” của “Luận Câu-xá” gọi chung là “Phẩm Hành”.

“Hành” có hai nghĩa:

1) Duyên.

2) Sở tác.

Duyên hành là Nhân hành. Sở tác là quả hành, do “Tập tâm” kết hợp thành “Phẩm Hành”. Nhân hành tức nghĩa thẳng dụng. “Luận Câu-xá” và căn kết hợp thành “Phẩm căn”. Lại vì tên cũ gọi là “phẩm căn”. Như luận này nói, Phẩm Thế Thứ nhất”. Tác dụng là pháp sai khác. “Luận Chánh Lý” gọi là “phẩm Biện sai khác”. Tên gọi tuy khác nhưng nghĩa thì đồng.

#### **2. Hỏi đáp về thứ lớp các phẩm:**

Hỏi: Vì sao phẩm Căn nói sau?

Đáp: Vì giới là tự tánh và là Bản sự, là sở duyên, cho nên nói trước, căn là tác dụng là khác nhau, là năng y cho nên nói sau.

Giải thích tên phẩm: Tối thẳng, tự tại, quang hiển gọi là “Căn”. Phẩm này ban đầu nói về tên cũ: “Phẩm Phân biệt Căn”.

Luận chép: Từ câu “Nhân giới Như thế” cho đến câu “Căn nghĩa là gì?”. Phẩm này gồm có bảy mươi bốn bài tụng, chia làm ba phần:

1) Phân biệt căn (22 bài tụng).

2) Phân Biệt câu sanh (27 bài tụng).

3) Phân biệt nhân duyên (hai mươi lăm bài tụng). Lại có ba đoạn: Sáu bài tụng đầu lập ra căn, hai bài tụng kế giải thích thể tướng của căn, mười bốn bài tụng sau là nghĩa môn phân biệt.

- Trong sáu bài tụng đầu:

- 1) Một bài tụng đầu: Nói về Sư Tỳ-Bà-sa lập ra.
- 2) Ba bài tụng kế: Nói về Đàm-vô-Đức lập ra.
- 3) Một bài tụng kế: Nói về Đàm-vô-Đức nói lại về căn tướng.
- 4) Một bài tụng cuối: Nói về sư khác lập ra.

- Y theo văn đầu có năm:

- 1) Kết trước hỏi sau.
- 2) Đáp: Nghĩa căn.
- 3) Hỏi lại.
- 4) Nêu tụng lược đáp.
- 5) Giải thích bằng Văn xuôi.

Đây là văn đầu, sư Chân-đế nói: Nghĩa căn là gì? Trước đã chia mười tám giới thành hai mươi hai căn, chưa giải thích nghĩa căn.

- Căn có hai nghĩa:

### **3. Nghĩa căn:**

- 1) Nghĩa Danh.
- 2) Nghĩa Pháp môn.

Danh nghĩa là lập danh nghĩa, pháp môn nghĩa là nghĩa lưu, nghĩa vô lưu, v.v... Nay nói tử mĩ, trong đây hỏi nghĩa căn. Chính là hỏi danh nghĩa, hai mươi hai pháp này lấy nghĩa nào mà gọi là Căn?

Luận chép: Từ câu “Tối thắng tự tại” cho đến câu “nghĩa Tăng thượng”: là thứ hai đáp : Nghĩa căn.

“Luận Chánh Lý” chép: Đây là nghĩa Tăng thượng, giới nghĩa hiển thành.

### **4. Ý nghĩa chữ giới:**

“Giới” là y địa, hoặc là nhãn địa. Tối thắng tự tại là nghĩa y địa. Nói rõ ràng dễ hiểu hơn là nghĩa Nhãn địa. Nói tử mĩ hơn là chữ giới có nhiều nghĩa. Theo ý “luận Chánh Lý” thì tối thắng Tự Tại là y Địa giới nghĩa. Nói rõ ràng dễ hiểu hơn là Nhãn Địa Giới nghĩa, “Xí thanh quang hiển” là chữ Duyên, giúp cho hai tên y địa và Nhãn địa. Nghĩa của tối thắng tự tại sáng tỏ, dễ hiểu hơn chuyển gọi tăng thượng. Tăng thượng tức là nghĩa căn “Luận Câu-xá” này nói “Tối thắng tự tại” là nghĩa của y Địa chữ giới, “Quang hiển” là chữ duyên giúp cho y địa đó. Nghĩa tối Thắng Tự Tại chuyển gọi là nghĩa Tăng thượng, nghĩa tăng thượng gọi là căn. Nên “luận Chánh Lý” chép: “Nghĩa Tăng thượng này là nghĩa

giới hiển thành. Ý này nói chung hai mươi hai căn, đối với các nhóm có, tác dụng tăng thượng.

### **5. Hỏi đáp về tăng thượng:**

Hỏi: Các pháp đối nhau mỗi pháp đều có dụng Tăng thượng riêng, nên đều gọi là căn phải không?

Đáp: Đây là cùng cực của Tăng thượng, nói riêng là nghĩa thành. Như sự tử đầu đàn và trưởng thôn ấp, ở trong thôn ấp rất tăng thượng.

Luận chép: Nghĩa tăng thượng này ai đối với ai?

Đây là hỏi lại lần thứ ba.

Tụng đáp: Cho đến đều khác nhau làm tăng thượng.

Thứ tư là lại đáp lần nữa.

“Luận chép” đến câu “bốn không chung sự”: là

Thứ Năm giải thích văn tụng, trong đó có ba:

1) Giải thích Năm căn có bốn tăng thượng.

2) Giải thích Bốn căn, mỗi căn có hai tăng thượng.

3) Giải thích Mười ba căn mỗi căn đều có một tăng thượng. Đây là nêu dụng của bốn tăng thượng.

Luận chép: Từ câu “Mắt, tai căn” cho đến “Văn thính khác nhau”. Đây là giải thích hai tăng thượng: Mắt, tai.

Luận chép: Từ câu “Mũi, lưỡi, thân căn” cho đến “Hương vị xúc”.

Giải thích: Dụng tăng thượng của ba căn sau.

Luận chép: Từ câu “Nam nữ mạng ý” cho đến Năng vi tăng thượng, kể là giải thích bốn căn đều có hai tăng thượng.

Luận chép: Từ câu lại “Nam căn nữ” cho đến, hai vú, v.v... khác nhau.

Đây là giải thích. Sự tăng thượng hai nam căn nữ.

### **6. Sự tăng thượng của hai nam căn nữ:**

Luận Chánh Lý chép: Nói về sự tăng thượng của hai nam căn nữ:

Một là hữu tình dị, hai là phân biệt dị.

“Hữu tình dị”: Là vào kiếp Sơ loại hình của các hữu tình đều giống nhau. Khi sanh hai căn thì có loại hình nam nữ khác nhau. “Phân

biệt dị”: Tiến dừng, ngôn ngữ âm thanh, hai vú, râu, v.v...

được sắp bày khác nhau, có mạnh mẽ, yếu đuối khác nhau, nên gọi là “Hữu tình dị”. Y phục, trang nghiêm, có khác nhau nên gọi là “Phân biệt dị”.

### **7. Nói về hoàng môn:**

Luận chép: Từ câu có thuyết nói đây đối với đến câu “các pháp thanh tịnh nêu thuyết khác”.

“Phiến-đệ” nghĩa là vô căn, căn bị tổn hoại. “Bán-trạch” nghĩa là không thiến, tổn thiến “Hai hình” nghĩa là có cả hai căn.

1) Vì không căn hoặc căn bị hư hoại, nên trong nhiễm tịnh không có công dụng tăng thượng.

2) Vô thể hoặc tổn thể nên trong nhiễm tịnh cũng không có tăng thượng. Sau có hai căn có hai phiến não, cho nên trong nhiễm tịnh cũng không có tăng thượng.

Phiến-Đệ và Bán-trạch đều có chung bản tánh tổn hoại, do đó gọi là Bán tánh. Tổn hoại Phiến-Đệ Bán-trạch. Phiến-Đệ hoàn toàn không có căn, hay một phần không căn. Bán-trạch hoàn toàn không có thiến, hay có một phần thiến, các kinh luận nói Phiến-Đệ hoàn toàn không có căn, không có chút giống nhau nên gọi là Vô.

“Luận Tỳ-bà-Sa” quyển chín mươi giải thích: “Người lìa dục gọi là Trượng phu”. Trong bốn trường hợp nói “Hoặc thành tựu năm căn mà không gọi là Trượng phu” như Phiến-Đệ, bán Trạch ca, đây là nghĩa của phần vô căn. Chỗ khó này phần nhiều chưa có người giải thích được. Nhưng giải thích sau đây không bằng giải thích như các sư trước, sở dĩ như thế là vì hai căn đó tuy ở nhiễm tịnh, nhưng không có công dụng tăng thượng, được gọi là căn, nên biết có nhiễm tịnh, chẳng phải là định chứng.

#### **8. Hỏi tăng thượng của mạng căn:**

Luận chép: Từ câu “Mạng căn là hai” đến câu “Năng tục và năng trì”.

Đây là giải thích hai tăng thượng của mạng căn, “Luận Chánh Lý” chép: “Mạng căn đối với hai có tăng thượng”. Nghĩa là do đó nên thực thi các căn và căn khác nhau. Do đó có thì kia có, đây không thì kia không. Hoặc đối với chúng đồng phần có công năng tiếp tục và giữ gìn. Trong cõi Sắc phải có mạng căn, mới chắc chắn có chỗ sanh. Căn phát khởi từ tự địa thiện, nhiễm tâm, v.v... hoặc khởi tâm khác, chẳng phải qua đời, nên “luận Câu-xá bản dịch cử chép: “Chúng đồng phần tương ứng và chấp trì tăng thượng. Ngài Chân-đế giải thích: “Nếu sanh vào cõi người thì được ở trong loài người nên nói là tương ứng. Mạng sống khi hoại thì sanh vào đường khác, chẳng phải lại loài người. Như vậy thân này làm sao nối tiếp tồn tại được, phải có mạng căn giữ gìn mới tồn tại. Luận chép: Ý căn có hai, cho đến đều tự tại tùy hành, ở đây giải thích hai tăng thượng của ý căn. Luận Chánh Lý chép: Có thuyết

nói ý căn đối với phẩm nhiễm tịnh có năng lực tăng thượng, nên nói là hai, như kệ kinh nói: Vì tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm, nhờ tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh.

### **9. Giải thích mười ba căn:**

Luận chép: Từ câu “năm thọ như Lạc v.v...” đến câu “Hỷ và ưu xả”.

Giải thích: “Mười ba căn mỗi căn đều có một tăng thượng. Lạc, hỷ, tham theo đó mà tăng, khổ, ưu, sân tăng theo, xả, thọ, si tăng theo. Tám căn như Tín căn v.v... đều có thể lớn lên pháp thanh tịnh. Lạc v.v... trong thanh tịnh cũng tăng thượng, có hai nghĩa, nên cũng nói: “Có thể làm cho nhiễm ô, có thể làm cho thanh tịnh. Nghĩa nhiễm như trên, còn nghĩa tịnh thế nào? Như kệ kinh nói: “Lạc nên tâm định, khổ là Tín y theo sáu xuất ly, y theo hỷ và ưu xả. Định và Tín xuất ly đều là Tịnh phẩm. Thọ lạc và Định là tăng thượng. Thọ khổ và Tín là tăng thượng. Hỷ và ưu xả cùng với nghĩa của Tín là tăng thượng. Hỷ và Ưu, xả cùng với nghĩa của sáu cảnh xuất ly là tăng thượng.

Luận chép: Câu “sư Tỳ-bà-Sa truyền thuyết như thế”.

IV. Kết lời nói trên của Sư Tỳ-Bà-Sa.

“Luận Chánh Lý” chép: “Sơ truyền thuyết rằng “hiển” lạc nói sau” Nghĩa là hoặc có thể dẫn dắt nuôi thân v.v... Trình bày: “Hiển” là sư Thế Thân. Ưa thích thuyết sau.

### **10. Trình bày sự lập căn:**

Luận chép: Có sư khác nói, cho đến câu “Thọ đoạn thực”.

Câu hai dưới đây là trình bày lập ra căn của ngài Đàm-Vô-Đức. Ngài Chân-đế nói: “Kinh bộ có ba nghĩa”.

- 1) Phá Sư Tỳ-bà-Sa lập ra hai mươi hai căn.
- 2) Ba bài tụng lập ra hai mươi hai căn.
- 3) Giải thích bằng Văn xuôi .

Đây là phá năm căn để dẫn dắt nuôi dưỡng thân, rằng đây là thức chẳng phải căn dụng.

Luận chép: Từ câu “dụng thấy sắc v.v...” cho đến dụng tăng thượng riêng.

Đây là phá nhãn v.v... vì thấy sắc v... là việc không chung. Công dụng thấy sắc v.v... là của thức chẳng phải của căn”.

### **11. Tổng kết bác bỏ:**

Luận chép: “Nên chẳng phải do nhãn này mà thành căn, là tổng kết bác bỏ. Các pháp khác phần lớn đồng nhau, chỉ có khác chút ít về chi tiết, nên không phá.

Luận chép: Từ câu nếu thế vì sao, là sư Bà-Sa hỏi. Như vậy cho phép ta dùng mắt dẫn dắt nuôi dưỡng, và việc không chung, nên gọi là dụng tăng thượng. Sư Kinh Bộ của ông nói nghĩa ấy thế nào?”

Luận chép: Cho đến tăng thượng như niết-bàn v.v... Bài tụng thứ hai đáp về lập ra căn. Luận chép cho đến đều lập làm căn: Là Giải thích: Văn bài tụng, là các căn như mắt... và các thức như mắt thức v.v... có dụng tăng thượng nên lập làm căn.

Luận chép: Từ câu chẳng lẽ không phải sắc v.v... cho đến nên lập làm căn ngoài là vạn hỏi.

Luận chép: Từ câu Cảnh đối với thức cho đến “đối với pháp cũng thế” là vạn hỏi chung; dụng tăng thượng là Thắng Tự Tại, Nhãn trong nhãn thức, tối thắng Tự Tại nên gọi là Tăng thượng, có hai nghĩa:

Cùng với nhiều sắc thức như xanh, v.v... làm chỗ nương chung, cũng có thể thức tùy theo chỗ nương của căn có sáng, tối. Vì hai nghĩa này mà căn đối thức có nghĩa tối thắng tự tại tăng thượng, “sắc thì không như thế, vì hai tướng trái nhau.

1) Màu xanh là nói màu xanh làm sở duyên, không bị màu vàng làm sở duyên.

2) Sắc có biến loại, thức không biến hoại theo. Hai việc của sắc và hai việc của căn, vì trái nhau nên không lập làm căn, cho đến ý căn cũng có hai. Thanh v.v... cũng như vậy.

Luận chép: Từ câu “từ thân lại lập” cho đến “Hữu tăng thượng”: Là giải thích: Câu Tụng thứ ba, thứ tư.

Luận chép: Từ câu “căn thể nữ nam” cho đến “lập riêng làm hai”.

### **12. Giải thích căn nam căn nữ:**

Văn này: giải thích “lý do của của Căn nữ nam” tức là lấy một phần thân làm thể, hai thứ này khác chút ít với các chỗ khác của thân căn, nghĩa là có thể ở tánh nam, nữ có dụng tăng thượng, nên ngoài thân căn lập hai căn riêng .

### **13. Giải thích tánh nam nữ:**

Luận chép: Từ câu “hình loại Nữ thân ” cho đến “đối với hai tánh tăng thượng”. Là giải thích: Tánh Nam nữ và nói hai căn và hai tánh này là tăng thượng.

Luận chép: Từ câu “Đối với chúng đồng phần” cho đến đều có công năng làm căn: Là giải thích: Bài tụng thứ hai.

Luận chép: Từ câu “đối với chúng đồng phần” cho đến “có công dụng tăng thượng”: Là giải thích, mạng căn, ý nói trong Tạng nhiệm cho

đến vô minh tùy tăng: Là giải thích dụng tăng thượng của năm thọ căn, ý nói trong sự thanh tịnh cho đến dẫn đến Thánh đạo: Là giải thích: năm căn như Tín... có dụng tăng thượng, câu “Ứng tri giả” cho đến “đều có công năng làm căn”. Đây là giải thích chữ Ứng tri trong bài tụng.

Luận chép: “Từ câu ba căn vô lậu” cho đến “có Dụng tăng thượng”: Là giải thích bài tụng thứ ba. Luận chép: Nói cũng thế cho đến đều có công năng làm căn: Đây là giải thích chữ cũng như thế trong bài tụng.

Luận chép: Vị tri, đương tri, căn cho đến năng Bát Niết-bàn”

Đây là giải thích được các tăng thượng hậu hậu đạo Niết bàn trong bài tụng.

Luận chép: Từ câu “Đẳng ngôn là hiển” cho đến “giải thoát hỷ lạc”: Là giải thích: “Đẳng ngôn” của bài tụng, hiển rõ “Lại nữa, môn hữu dị”: Là giải thích: Tăng thượng.

#### **14. Nói về đồng phần nhãn:**

“Luận Chánh Lý” chép: “Thuyết này phi lý” đồng phần kia nhãn lẽ ra chẳng phải căn (vì chẳng phải thức nương nên chẳng phải căn) Há chẳng phải lỗi này ông cũng có ư? (Kinh bộ lại hỏi. Ông không cộng sự v.v.... lấy thấy, nghe v.v... làm tăng thượng, đồng phần nhãn kia lại không thấy sắc, nên chẳng phải căn) ta không có lỗi này, nói ở nghiêm thân có tăng thượng, nên luận này (Đồng phần nhãn kia tuy có không có ba tăng thượng khác nhưng có nghiêm thân làm công dụng tăng thượng) còn chẳng phải tất cả mắt có thể cùng biết rõ tất cả sắc. Thức từ nhân chung mà khởi, vì các mắt sát-na diệt nêu rõ các sắc thức không câu sanh. Nếu nói nhãn loại chẳng sai khác thì sắc cũng đồng loại không khác. Nếu nơi chủng loại xanh, vàng khác thì nhãn cũng phải như vậy. Có dị thực sanh và loại được nuôi lớn khác nhau (y theo đây thấy mắt màu xanh, vàng... không khác) Thức chỉ tùy theo căn có sáng, tối. Đây cũng chẳng phải nhân. Thể của thức sanh rồi mới có thể được theo căn có sáng tối (chưa sanh không thể nói tùy căn) chưa sanh làm cho sanh tăng thượng lực v.v... hễ thiếu một thứ thì không sanh (chưa sanh khiến cho sanh, hoặc sắc hoặc căn hễ thiếu một thứ nào thì thức sẽ không sanh, đây là nói căn và cảnh bình đẳng) Hoặc bị Sư Câu-xá bác bỏ, chỉ do căn chưa sanh khiến sanh có sáng, tối. Thức tùy theo mắt mà có sáng tối sanh. Ai nói thức riêng cho đến hiện rồi mới mới tùy theo ư! Lại đời hiện tại chỉ có một sát-na, làm sao có được chuyển sáng thành tối, đời tối làm sáng? Lại thức tùy căn có sáng tối, dẫn dắt nuôi thân nghĩa nên cho phép ở căn, nhãn dụng nếu tăng theo phát thặng thức thì sẽ tránh

được hiểm nạn, dẫn dắt nuôi dưỡng thân ở căn, nếu dụng của mắt yếu kém thì hề phát ra thức yếu kém nào cũng không rõ được hiểm nạn, khiến thân rơi vào điên đảo, cho nên dẫn dắt, nuôi dưỡng ở căn, chẳng phải ở thức. Đản nói: Tránh hiểm dẫn thân, do thức cứu giúp, nay lại bỏ đích thân, lập xa đâu có lầm lẫn gì.

“Luận Chánh Lý” lại chép: Lại ở trong đây có chút khác nào? Môn trước đã nói các căn như nhãn thức... phát ra. Các thức như nhãn căn... và pháp tương ứng, nay trong môn này lược một phần kia, chẳng phải mình thấy, đâu đáng sanh vui mừng. Đã không có nghĩa khác, không nên nói lại. Tức là ở trước tôi nói, giảm một phần kiếp, chỗ không lược thì lại nói: “Ngã nói”. Đâu đáng sanh vui mừng. Các căn trên đây nói đồng với “Ngã nói”.

#### **15. Giải thích câu hỏi:**

Luận chép: Từ câu “Nếu là tăng thượng” cho đến “dụng tăng thượng”.

Luận chủ giả lập khách chủ để giải thích vắn hỏi, trong đó có hai:

- 1) Giả lập câu hỏi.
- 2) Chánh giải thích câu hỏi.

Từ trong câu hỏi trước, nêu nạn tông mình, kế là nêu câu hỏi của số luận. Đây là trước nêu của tông mình.

“Luận Chánh Lý” chép: “Như tăng thượng nên lập làm căn. Trong các phiền não của phẩm Ái. Kiến, hai pháp thọ, tưởng có công dụng tăng thượng. Tưởng lẽ ra như thọ cũng lập làm căn. Lại các phiền não có thể tổn hoại phẩm thiện. Có dụng tăng thượng, nên thành căn thể. Lại tối thắng nên lập ra các căn. Trong tất cả pháp, Niết-bàn là tối thắng. Vì sao không lập Niết bàn làm căn?”

Luận chép: Từ câu “lại ngữ cụ” v.v... cho đến “có dụng tăng thượng”.

#### **16. Nêu căn hỏi của số luận:**

Đây là kế nêu nạn của số luận. Luận đó có hai mươi lăm nghĩa để. Nói hai mươi lăm đó là:

1) Ngã: Họ chấp thường, ngã suy nghĩ làm thể. Tánh chỉ là thọ giả chứ chẳng phải tác giả, hai mươi lăm đế còn lại là “sở thọ dụng của Ngã”.

2) Tự tánh lấy Tát-Đỏa, Thích-Xà, Đáp-ma làm thể, cũng gọi là khổ, vui, si cũng gọi là ưu, hỷ, ám. Ba độc này như bề tôi giúp đỡ Ngã. Nếu khi ngã muốn được cảnh thọ dụng thì vì ngã mà biến ra, lúc chưa

biến thì trụ ở tự tánh, nên gọi là Tự tánh.

3) Từ tự tánh sanh Đại, nghĩa là khi ngã tư lương muốn được thọ dụng các cảnh giới. Thì ba pháp liền biết, khi chuyển động thì thể đó lớn lên, nên gọi là Đại.

4) Từ Đại sanh ngã chấp, nghĩa là Duyên theo ngã đó gọi là Ngã chấp.

5) Từ ngã chấp sanh năm Duy lượng, gọi là Sắc, Thanh, hương, vị, xúc, đủ như trước là chín.

6) Từ năm Duy lượng sanh năm Đại, gọi là Đất, nước, lửa, phong, không. Nói đủ như trước là mười bốn, nghĩa là sắc có thể sanh lửa, vì lửa màu đỏ. Thanh có thể sanh không, vì trong hư không có âm thanh. Hương có thể sanh đất, vì trong đất có nhiều hương, vị có thể sanh nước, vì trong nước có nhiều vị, xúc có thể sanh gió, vì gió có thể xúc chạm thân.

7) Từ năm đại sanh mười một căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tay, chân, đại, tiện xứ, tiểu tiện xứ, ngữ cụ, tức là chiếc lưỡi thịt. Nói đủ như trước là hai mươi lăm đế, nghĩa là hỏa có thể sanh nhãn, lại có thể thấy sắc, hư không có thể sanh tai, lại nghe tiếng. Đất có thể sanh tỷ lệ, ngửi mùi nước có thể sanh lưỡi lại có thể nếm vị. Gió có thể sanh thân, lại có thể giác xúc, năm đại đều có thể sanh ý, tay chân, đại tiện xứ, tiểu tiện xứ, ngữ cụ. Nó chấp nhục tâm gọi là ý. Tông đó chấp các pháp là thường. Như biến vàng thành vòng xuyên. Sắc vàng không đổi, vòng xuyên khác nhau. Nếu ngã muốn được cảnh thọ dụng, từ tự tánh sanh Đại, từ Đại sanh ngã chấp, Từ năm chấp sanh năm Duy lượng. Từ năm Duy lượng sanh năm Đại. Từ năm Đại sanh mười một căn, nếu khi Ngã không thọ dụng cảnh thì từ mười một căn liền nhập vào năm Đại. Từ năm đại nhập vào năm Duy lượng, từ năm Duy lượng nhập vào ngã chấp, từ ngã chấp nhập vào Đại, từ Đại lại nhập vào Tự tánh. Nay y theo năm căn tác nghiệp trong mười một căn của Tông đó làm câu hỏi; Ngữ cụ là chiếc lưỡi thịt, nói có dụng tăng thượng, tay cầm nắm có tăng thượng, chân bước đi có tăng thượng. Đại tiện xứ ở chỗ xả bỏ tiện uế có tăng thượng. Tiểu tiện xứ dâm dục việc vui tăng thượng, những thứ này đều có tăng thượng nên lập làm căn.

### **17. Luận chủ lập căn:**

Luận chép: Từ câu các việc như thế cho đến câu “có tướng như thế”.

Dưới đây một bài tụng là thứ ba, Luận chủ là Đàm-vô-Đức lập căn. Dùng ngữ cụ, v.v... các pháp còn lại không có căn tướng. Không

lập làm căn.

Luận chép: Cho đến hữu tình này là gốc: Là giải thích: Sở y, sáu chỗ thuộc nội là hữu tình gốc, là sở y của tâm. Ngoài sáu chỗ thì phi hữu tình gốc, phi tâm sở y. Hữu tình gốc là, trong sáu chỗ toàn là hữu tình. Ngoài sáu chỗ một phần là tình. Do sáu chỗ thuộc nội có bốn cảnh phù căn v.v... nên Căn là gốc.

Luận chép: Tướng này khác nhau. Trở xuống là giải thích: Các căn khác chẳng phải nhân. Thứ: Là sáu căn trên đây. Không được hữu tình này. Hữu tình vô thể, tức dùng sáu chỗ làm thể của nó. Không được nói pháp tâm tâm sở này. Tướng nam nữ khác nhau phần nhiều là sắc. Ngài Chân-đế nói: Sáu chỗ này khác nhau, làm cho trụ. Lời văn rất dễ hiểu, Đây là thành tạp nhiễm do năm thọ căn. Tạp nhiễm có hai.

1) Tương ưng với phiền não nên gọi là Tạp nhiễm, Đây là ý căn.

2) Vì bị duyên phiền não trói buộc, nên gọi là tạp nhiễm, đây là chung sáu căn.

Luận chép: Từ câu “tịnh tư lương này do năm căn như tín căn...” Đây là nói thanh tịnh tư lương như mắt... nghĩa là như Tín... năm căn.

Luận chép: “Ở đây thành thanh tịnh do ba căn sau”: Ở đây có hai thứ: Nếu thể vô lậu thì gọi là thanh tịnh, tức chí có ý căn. Nếu lìa từ phiền não trói buộc là hoàn diệt, nên gọi là thanh tịnh, tức chung với sáu căn như mắt...

Luận chép: Từ câu do đó việc lập căn đều rất ráo: Kết trên thành căn.

Luận chép: Cho nên không nên cho đến “dụng tăng thượng”.

Ở đây nói các pháp chẳng thuộc về căn. “Luận Chánh Lý” chép: “Không nên lập tướng v.v... làm căn. Trong các phiền não, tội ái rất nặng. Chỉ lập thọ và kia làm căn. Lỗi ái nặng vì khế kinh nói ái cùng sáu xứ làm nhân sanh. Còn tướng chẳng lấy phiền não làm nhân sanh. Ngoài ra vì phát sanh chấp điên đảo, đã phân biệt luống dối. Tướng giữ gìn làm cho nối tiếp. Là chánh đối trị không thể dứt hoại, nên nói: Tướng này làm nhân cho kia. Thọ là nhân của ái, đều có cả hai thứ, thọ là lỗi trọng của nhân phiền não. Có cả hai nhân. Độc lập làm căn.

### **18. Sự khác lập căn:**

Luận chép: Từ câu “lại có sự khác nói riêng về căn tướng”: Một bài tụng dưới đây là thứ tư nói về sự khác lập ra hai mươi hai căn. Hai mươi hai là kinh nói. Các sự đều không thêm bớt nó nên lập ra là ý của Luận sư cho nên các thuyết khác nhau.

Luận chép: Cho đến hai mươi hai căn: Là giải thích: Bài tụng hoặc

nói về chấp của các sư. Y theo sanh tử trôi lăn, hoàn diệt. Tối thắng sở y, sanh, trụ thọ dụng có tăng thượng, nên lập ra các căn.

“Luận Chánh Lý” chép: “Sanh tử nối tiếp là nghĩa trôi lăn. Sanh tử chấm dứt là nghĩa hoàn diệt”, tức là sáu căn rốt ráo dứt diệt.

Luận “Tỳ-Bà-Sa” quyển một trăm chép: “Trôi lăn” là còn thọ sanh tử, Hoàn diệt là hướng đến Niết bàn.

Luận chép: Câu “sở y của Trôi lăn gọi là Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý”. Đây nói sáu căn làm chỗ nương cho trôi lăn “Luận chép”: sanh do nam nữ từ chỗ kia sanh. Đây là ý nói nghiêng về thai, sanh noãn sanh của cõi Dục. Trong đây có nạn hành chấp có dụng ở miệng, bụng. Do chỗ bất tịnh này mà tay chân không lập căn. Trong chúng sanh cũng có khi không nương vào căn nam, căn nữ. Đây cũng bất định nên chẳng phải căn”

### **19. Nói sáu căn:**

Luận chép: “Do mạng căn trụ nên sướng kia trụ”. Đây là nói mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nương vào mạng mà trụ.

Luận chép: Câu “thọ dụng do năm thọ nhân kia lãnh nạp. Nghĩa này nói lên thọ có tăng thượng.

Luận chép: Theo sự lập ra này thì mười bốn căn trước: là Kết.

Luận chép: Từ câu “trong vị Hoàn diệt” cho đến “Lập tám căn sau” cũng đứng về bốn nghĩa để lập tám thứ sau.

Luận chép: sở y của Hoàn diệt là năm căn Tín, tấn, niệm, định, tuệ.

“Luận Chánh Lý” giải thích: “Sanh tử chấm dứt là nghĩa hoàn diệt, tức là sáu căn rốt ráo đoạn diệt, đây được sở y: Nghĩa là năm căn, Tín, tấn, niệm, định, tuệ. (Đây được là được trạch diệt, hoặc là sáu căn không sanh. Tức là được phi trạch diệt) vì là nhân trên hết gốc lành thêm lớn.

Luận chép: Từ câu “đối với ba vô lậu” cho đến “Do thọ dụng sau”

“Luận Chánh Lý” chép: Ban đầu căn vô lậu có thể sanh được việc này. Trong nhóm chánh định thì đây mới sanh. Kế là căn vô lậu giúp cho đây được trụ. Do kia nhiều thời nối tiếp khởi. Sau căn vô lậu khiến được thọ dụng hiện pháp lạc trụ. Kia đã rõ ràng.

Luận chép: Căn lượng do đó không thêm không bớt: là Tổng kết thường chắc chắn.

Luận chép: “Tức do duyên này mà kinh lập thứ lớp”. Đây là nói trong kinh trước nói: “sáu xứ” thuộc nội, kế nói nam nữ, mạng căn, năm

thọ, năm căn (Tín, tấn, niệm, định, tuệ). Ba căn vô lậu. Không nói luận nói thứ lớp. Vì luận đối với ý căn sẽ nói ở sau mạng căn, không theo thứ lớp này.

### **20. Bác bỏ ngoại đạo:**

Luận chép: Từ câu “Không nên ngữ cụ” cho đến “Ngữ mới thành” Trở xuống là bác bỏ ngoại đạo lập mười một căn, có giải thích là đồng, có giải thích là khác, đồng với trước không phá, khác với trước là phá. Như có thể thấy sắc không đợi học thành. Hoặc lưỡi nói có dụng tăng thượng. Nên tự có thể nói không đợi học thành. “Luận Chánh Lý” chép: “Lại nói đủ cũng không gọi là căn lỗi Bất định, lẫn lộn, thái quá. Lỗi bất định là vì sao ngữ cụ lập làm ngữ căn, có thể phát ra tiếng nói gọi là ngữ cụ. Đây là chiếc lưỡi. Như vậy thì phải tầm tứ các pháp và có thể dẫn khởi ngữ nghiệp. Các phong cũng lập làm căn, có công năng phát ra lời nói. Còn tầm tứ ở chỗ phát ngôn âm là duyên tốt. Nếu nói liễu sắc cũng do lời nói, không nên lập riêng mắt là căn. Lẽ ra không nên như vậy. Các người mù tuy nghe nói sắc, nhưng không biết các tướng khác nhau về xanh, vàng, đỏ, trắng.

Luận chép: Từ câu tay chân không nên cho đến “Lập ra làm căn” Đó là bác bỏ tay chân. “Dị xứ” nghĩa là vận động. “Dị tướng” nghĩa là co duỗi. Văn còn lại rất dễ hiểu, trên đây là bất định, vì có lỗi tạp loạn.

Luận chép: Từ câu “Xuất ra chỗ đại tiện” cho đến khởi sự vui này: Nạn trước có lỗi tạp loạn, nạn sau không có tăng thượng riêng.

Luận chép: Từ câu lại cổ họng và răng cho đến “không nên lập căn”. Đây là lỗi thái quá.

“Luận Chánh Lý” chép: “Lỗi thái quá kia được lập căn lẽ ra không có hạn lượng.

Hỏi: Bảy mươi lăm pháp vì sao sắc chỉ có năm căn, tâm vương đầy đủ cả pháp tâm sở trong chỉ chấp bốn căn. Thọ niệm, định, tuệ. Trong thiện chỉ lấy hai pháp. Tín, và cần, trong Bất tương ưng chỉ lấy mạng căn, không chấp lấy pháp khác.

Đáp: Nếu theo sự khác, thì mười ba pháp này đối với trôi lăn, hoàn diệt có tăng dụng, nên lập ra làm căn. Dụng khác chẳng có công dụng đặc biệt nên không lập căn. Nếu theo Đàm-vô-Đức thì mười ba pháp này là pháp tâm sở y của tâm. Đây là biệt, đây là trụ, đây là tạp nhiễm, đây là tư lương, đây là thanh tịnh nên lập làm căn. Pháp khác không như vậy nên không lập làm căn.

### **21. Hỏi đáp về lập căn:**

“Luận Chánh Lý” chép: “Các pháp đối nhau, đều có dụng tăng thượng riêng. Nên đều gọi là căn.

Đáp: Tăng thượng cùng cực này nói riêng nghĩa thành, Như Sư tử đầu đàn và trưởng ấp, như trước đã dẫn văn này.

Hỏi: Trong đây dùng công năng thù thắng làm nhân. Đối với quả môn tăng thượng lập làm căn, đâu có thể thân với nhân duyên đối quả mà lập căn ư?

Luận chép: Từ câu Nhân v.v... trong đây cho đến cũng sẽ nói rộng. Sáu bài tụng trên đây lập ra hai mươi hai căn. Dưới đây hai bài tụng thứ hai giải thích: Thể tướng của Căn. Trong đó có hai: Trước chỉ “đương dư căn”, sau giải thích năm thọ và ba vô lậu. Đây là phần đầu.

Luận chép: Từ câu năm thọ như Lạc v.v... cho đến “Y theo chín lập ba căn”.

Sau giải thích năm thọ và ba căn vô lậu. Thọ có ba thứ:

- 1) Nhiếp ích.
- 2) Tổn não.
- 3) Phi tổn phi ích.

## **22. Giải thích về thọ:**

Lại có hai thứ:

- 1) Thân thọ, là tương ứng với năm thức.
- 2) Tâm thọ, là tương ứng ý thức.

Thân thọ nhiếp ích và Thứ ba thiền tâm thọ nhiếp ích gọi là “thọ lạc”, thân thọ tổn não gọi là “thọ khổ”, tâm thọ Thiền thứ hai trở xuống. Nhiếp ích gọi là thọ hỷ.

Tổn não gọi là ưu thọ.

Chung ở Thân tâm, chẳng phải tổn chẳng phải ích gọi là thọ xả.

Luận chép: Cho đến “gọi là gốc khổ”: Là giải thích: thọ khổ.

Luận chép: Từ câu “cái gọi là duyệt” cho đến “tâm duyệt gọi là lạc”: Là giải thích: Thọ lạc. luận chép: Ngay tâm này duyệt cho đến gọi là Hỷ căn: Là giải thích Thọ hỷ. Luận chép: Tĩnh lực thứ ba cho đến chỉ gọi là Hỷ căn. Ở đây giải thích lý do vì sao gọi Tam thiền là lạc, địa dưới gọi là Hỷ.

Luận chép: Từ câu “Ý thức tương ứng” cho đến “gọi là ưu căn”: Là giải thích: Ưu thọ.

Luận chép: Từ câu “Trung nghĩa là phi duyệt” cho đến nên nói có cả hai: Là giải thích: Thọ xả.

Luận chép: Từ câu vì sao hai căn này lập chung một căn: Là hỏi. Thế nào là vui và không vui. Ở thân ở tâm, thọ là khác nhau, chẳng vui

chẳng phải không vui. Tại thân tại tâm lập làm thọ xả.

Luận chép: Từ câu “Thọ này ở thân tâm” cho đến “Thân tâm hợp nhất”: Là giải thích: Chương nạn.

Luận chép: Từ câu “Thọ khổ lạc” cho đến nên lập căn chung: Là giải thích lập nên.

Luận chép: Từ câu “Ý lạc hỷ xả” cho đến “Lập cụ tri căn” Đây là giải thích: Ba căn vô lậu. Trong đó có hai, trước dùng chín căn, Ở ba đường đó lập ra ba căn.

Sau giải thích: Lý do được tên gọi ba căn. Đây là phần đầu.

Luận chép: Ba nhân như thế do đâu mà lập: Dưới đây là giải thích tên ba căn.

Trước hỏi sau đáp.

### **23. Lý do gọi là căn:**

Hỏi rằng: Vì sao gọi là vị tri đương tri căn?

Luận chép: Từ câu “Là ở thấy đạo” cho đến “gọi là vị tri đương tri”.

Đây là giải thích tên căn vô lậu đầu tiên. Trí gọi là tri. Nhân chẳng phải Trí. Trong thấy đạo, vị khổ pháp trí nhân có tám đế, vị trí “đương tri hành chuyển” cho đến vị “trí khổ pháp” có bảy vị tri đương tri hành, cho đến. Đạo loại nhân vị có sắc, Vô Sắc đạo đế vị tri đương tri hành. Nên mười lăm tâm đều gọi là vị tri đương tri căn.

Luận chép: Từ câu “Nếu ở tu đạo” cho đến “Gọi là dĩ tri”.

Đây là giải thích thứ hai: Tên căn vô lậu. Đến “Đạo loại trí, dĩ tri đế hết một vòng, chưa từng biết cảnh Thánh đế là cầu biết nên khởi Thánh đạo. Nhưng vì dứt trừ hoặc tu đạo. Nên ở cảnh bốn đế, lại thường biết rõ nên gọi là “Dĩ tri”. Luận Tỳ-Bà-Sa quyển một trăm bốn mươi ba chép: “khoảng tâm thứ mười sáu nên như bảy trí”, vì sao chỉ nói là Dĩ tri căn, Chẳng phải Dĩ tri mà tri.

Đáp: Đây cũng nói theo phần nhiều. Nghĩa là sát-na đầu tuy tương tự bảy trí. Các sát-na sau đều khác bảy trí, nói theo phần nhiều, thì đều gọi là “Dĩ tri căn”. Một loại tánh, theo văn luận Câu-xá này, bảy trí trước chỉ là một sát-na. đạo loại trí nhị thừa phải có nhiều niệm, hoặc Thanh văn, nhiều thứ xuất ra phải có nhiều niệm. Y theo đây trùng tri gọi là Dĩ tri. Như thời đã qua gọi là “Dĩ khứ”, đó cũng như thế. Theo văn Luận này thì vị tri đạo là hạ, dĩ tri đạo là thượng. Trước là hạ, sau là thượng, Nhân là hạ, trí là thượng. Trước là hạ, sau là thượng. Tuy bảy trí trước tức đối với “Tri” nói “Dĩ tri”, không được gọi là “Dĩ tri”. Đạo loại nhân sau gọi là “Vị tri” nên gọi Dĩ hạ trước thượng, Đệ bát thượng

vô hạ gọi là Dĩ tri. Tùy đạo loại Trí không thể tự tri, đến niệm thứ hai mới là vị trí tri. Như một hạt bụi Tu di, một giọt nước biển, lại từ ban đầu tác pháp chẳng phải y theo sát-na.

Hỏi: Trong tu đạo quán đế là dứt phiền não, và là luyện căn hiện pháp lạc, vì sao chỉ nói là dứt phiền não.

Đáp: Sơ quả đạo sau chưa hẳn khởi thắng quả đạo, Thắng quả đạo đó tức là gia hành của dứt hoặc. Lại luyện căn v.v... thì e phiền não lui sụt là hiện pháp lạc cũng là thắng Tấn của dứt hoặc, chỉ nói nghĩa dứt hoặc tức là nhiếp cái khác. Do đó luận sư chỉ nói dứt hoặc.

Luận chép: Từ câu “ở đạo vô học” cho đến, cho đến nói rộng.

#### **24. Giải thích tên gọi cụ tri căn:**

Đây là giải thích tên gọi cụ tri căn, “Tri kỷ dĩ tri” chỉ nói Tận trí, tức là độn căn, nghĩa là được tận trí “Tri Ngã dĩ tri khổ, tri tập, hoặc được tận trí. Tri ngã dĩ tri khổ, dứt, tập. Hoặc tập thử tri dĩ thành tánh” nghĩa là được tận trí, sanh trí vô. Đây là lợi căn được hai trí đó. “Ngã dĩ trí khổ” là Tận trí không còn biết nữa là trí vô sanh. Cho đến nói rộng là ta đã dứt tập không còn dứt nữa.

“Luận Chánh Lý” chép: “Thứ ba cụ tri căn thể tri. Kỷ dĩ tri” nên gọi là “Tri”. Học tập tri thành tánh. Hoặc có thể hộ tri, nên sơ sao giải thích rằng: “Nghĩa là đạo vô học”. “Ngã dĩ tri v.v...”, gọi là tri kỷ dĩ tri. Đây gọi là Tri Tập dĩ thành tánh, là ban đầu được gọi là Tận trí. Hoặc có thể hộ tri, là hậu vị tức trí vô sanh. Thành tựu mà có thể giữ gìn nên gọi là cụ. Luận Câu-xá cũng chép: Vì ban đầu là hữu trí, sau tập quen thành tánh, Năng hữu Năng tập này gọi là “cụ tri”, cụ tri gia căn gọi là “cụ tri căn”. Xét, ý nghĩa hai bộ luận này có khác nhau. Nếu luận đó lấy tuệ của ba đạo, gọi là vị trí dĩ tri tức đó là căn. Y theo đồng giải thích là căn, đó tức là nghĩa căn đều chỉ là tuệ. Nếu ý của Câu-xá thì ba tên gọi kia nhân có thể tu hành, theo y sĩ thích, tất cả căn đó gọi là bỉ căn, tức gồm đủ chín pháp.

“Luận Chánh Lý” chép “Dùng chín căn tương ứng hợp thành việc này, nên tám thứ như ý v.v... cũng được gọi bằng tên này, “Tỳ-bà-Sa” quyển bảy mươi lăm pháp phế lập sợ rườm rà nên không trình bày. Nhưng chẳng qua đây là trước lập ra môn, Không có nghĩa khác thì không lập làm căn.

Luận chép: Từ câu “tất cả căn kia” cho đến “đương tri căn” là tổng kết tên ba căn trước.

#### **25. Phân biệt các môn:**

Luận chép: Từ câu đã giải thích như thế cho đến “có bao nhiêu vô

lậu”. Dưới đây thứ ba có mười bốn bài tụng phân biệt các môn. Trong đó có hai:

Sáu bài tụng đầu: Chia làm sáu môn, tám bài tụng sau y theo riêng các nghĩa. Một bài tụng đầu chia ra lậu, vô lậu.

- 1) Chỉ có vô lậu.
- 2) Chỉ có hữu lậu.
- 3) Có cả hữu lậu, vô lậu.

Luận chép: Cho đến “tên khác thể đồng”.

Đây là nói chỉ có vô lậu.

Luận chép: Từ câu “bảy hữu sắc căn” cho đến “thuộc về Sắc uẩn”.

Đây là nói chỉ có hữu lậu, giải thích nghĩa này, rõ ràng bất tận. Vô lậu vô biểu cũng thuộc về sắc uẩn là vô lậu.

### **26. Nói về hữu lậu vô lậu:**

Luận chép: Từ câu “Ý lạc hỷ xả” cho đến “Hữu lậu vô lậu”: Thứ ba là nói về lậu, vô lậu.

Luận chép: Từ câu có sự khác nói cho đến “Ngoại dị sanh phẩm”. Đây là nêu chấp của Hóa Địa Bộ, tức là Bà-sa Tỳ Bà Xà-Ba-Đề. Hán dịch là phân Biệt luận sư. Họ dẫn kinh chứng minh năm căn như Tín căn v.v...chỉ là vô lậu, vì thế kinh chỉ nói Thánh sở hữu, nghĩa là nói A-la-hán cho đến Dự lưu hướng có năm căn như Tín căn... này nên biết là vô lậu. Lại, Đức Thế tôn nói “Nếu hoàn toàn không có năm căn như Tín... ta nói người đó trụ ngoài Dị sanh phẩm. Lại vẫn dưới hoàn toàn không có năm căn trụ ngoài Dị sanh phẩm, nên biết là vô lậu, tuy dẫn trùng văn nhưng nghĩa chỉ là một. Bậc Thánh có phàm phu không.

Luận chép: Từ câu “đây chẳng phải thành chứng” cho đến nên nói lời này. Dưới đây là Luận chủ bác bỏ có hai ý:

1. Thông Hóa Địa Bộ dẫn văn chứng thành vô lậu.
2. Tự dẫn văn kinh chứng chung hữu lậu. Đây là phần đầu. Đây chẳng phải thành chứng. “Đều chẳng phải nương y căn vô lậu mà nói lời này”.

Giải thích: Sở dĩ năm căn như Tín... có cả hai thứ; đó là hữu lậu, vô lậu. Thuyết đó nói bậc Thánh có phàm phu không. Nương vào căn vô lậu nói không nương vào Hữu lậu năm căn như Tín... Là nói lý do. Trước lập ra bậc Thánh. Chỉ có hữu vi vô lậu, chẳng phải vô vi hữu lậu. Kinh đó dùng năm căn như Tín căn... lập ra bậc Thánh. Nên biết chỉ nói theo căn vô lậu. Trước nói quả có. Là nói theo căn vô lậu nói. Trước nói quả có nương vào căn vô lậu. Đã nói, nếu hoàn toàn không có năm căn

như Tín..., thì nên biết chỉ nói vô lậu. Hoặc các Dị sanh cho đến ngoại Dị sanh phẩm.

Luận chủ giải thích thứ nhất: Lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu “lại khế kinh nói” cho đến “cũng có cả hữu lậu”.

Luận chủ dẫn kinh làm chứng năm căn như Tín... Có cả hữu lậu. Khi Phật chưa xoay bánh xe pháp thì chưa có bậc Thánh. Lúc đó đã nói căn cơ hữu tình thượng, trung, hạ. Cho nên biết nói năm căn như Tín... hữu lậu: là

**27. Luận chủ dẫn kinh làm chứng:**

Luận chép: Từ câu lại Thế tôn nói, cho đến “Phẩm loại quán sát”.

Luận chủ dẫn kinh thứ hai, làm chứng có cả năm căn như Tín căn... Hữu lậu. Nếu chỉ có vô lậu. Như vậy làm sao thật biết là “Tập, một, vị, quá, hoạn”. Bốn hành quán này là hữu lậu. “Tập” có công năng chiêu cảm khổ, “Một” là chìm đắm “Vị” là vị ái, “Quá hoạn” là khổ, “Xuất ly” là diệt, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

Luận chép: Cho nên năm căn như Tín căn... có cả hữu lậu, vô lậu, là Tổng kết làm chứng.

Luận chép: Từ câu đã nói như thế cho đến “có mấy phi dị thực”.

**28. Nói về môn dị thực phi dị thực:**

Sau đây bài tụng thứ hai nói về môn dị thực, phi dị thực”.

Luận chép: Chỉ có một mạng căn chắc chắn là dị thực.

Định này là Tông. Trong hai mươi hai căn. Chỉ có một mạng căn chắc chắn là dị thực. Chỉ ngăn dứt chung các căn khác, định ngăn dứt chung chẳng phải dị thực.

Luận chép: Từ câu “Như thị giả” cho đến “cái gì là thực. Ngoại đạo vặn hỏi rằng”. Nếu chắc chắn là dị thực thì lưu lại nhiều thọ hành, Do định thứ tư v.v... kéo dài mạng căn này, tức mạng căn này là thù dị thực.

Luận chép: Từ câu “Như luận này nói” cho đến “Thọ quả dị thực”. Đây có hai ý:

1) Dẫn luận này chứng minh có lưu thọ hành.

2) Dẫn luận này trả lời câu hỏi ở trước.

“Lưu thọ hành thù dị thực”: Là Dẫn luận này làm chứng, tức là trước cảm phú v.v... nghiệp dị thực, vì sao Tỳ-kheo lưu nhiều thọ hành.

Hỏi: “Lưu pháp” nghĩa là A-la-hán, phân biệt với hữu học, thành tựu thần thông, phân biệt tuệ giải thoát, được tâm tự tại, phân biệt thời

giải thoát. Hoặc đối với tăng chúng, hoặc đối với người khác, phân biệt với nhân khác. “Vì các mạng duyên” cho đến tùy phần bố thí. Phân biệt vật khác, thí rồi phát nguyện. Phân biệt với không nguyện, tức nhập vào định thứ tư v.v... phân biệt với định khác “xuất định rồi cho đến đều chuyển, chiêu cảm quả dị thực” do năng lực của bố thí, thiền định có thể chuyển sự chiêu cảm đó. Do bố thí thiền định chuyển, trước là bất định dị thực Phú, khiến nó chiêu cảm quả dị thực ngày nay, hoặc do bố thí thiền định nguyện này khiến nó kéo dài nghiệp bất định.

Hỏi: Làm sao biết được chẳng phải do ngày nay bố thí hiện tại chiêu cảm quả thọ.

Đáp: Có nhiều văn làm chứng. Luận Bà-Sa quyển một trăm hai mươi sáu chép:

Hỏi: Lý không có quả dị thực Phú nên thành quả thực Dị thọ. Có sao lại nói nghiệp dị thực Phú thì chuyển, chiêu cảm quả dị thực.

Đáp: Không chuyển quả thể, có chuyển nghiệp lực, nghĩa là do bố thí, định lực bờ mé chuyển sanh nghiệp dị thực phú, chiêu cảm quả dị thực. Tuy đều có thể chuyển, mà bây giờ không nhìn lại quả Phú, Kỳ thọ quả. Theo văn luận này. Thi vi có thể chuyển không nói chánh cảm. Có sư khác nói: có nghiệp trước chiêu cảm quả dị thực. Nhưng có tai chướng. Do nay bố thí sức định bờ mé, tai chướng kia diệt thọ dị thực khởi. Tuy đều có thể chuyển mà ngày nay không nhìn lại, quả Phú, quả kỳ thọ. Theo văn luận này thi vi có thể diệt, việc làm là nói có nghiệp trước chiêu cảm quả dị thực. Nhưng không chắc chắn. Do nay bố thí định lực bờ mé, khiến chiêu cảm nghiệp chắc chắn và quả. Theo văn Luận này. Thi vi có thể chắc chắn, lại có khi muốn do thí định. Nên dẫn lấy túc thể tàn thọ dị thực. Do nay bố thí định lực bờ mé, dẫn khiến hiện tiền. Định lực không thể nghĩ bàn khiến dứt lâu mà lại nối tiếp, y văn luận này, cũng do thí định dẫn ra, y theo bốn giải thích trên.

### **29. Bốn giải thích:**

1) *Giải thích thứ nhất:* Do bố thí, định lực bờ mé chuyển sanh nghiệp dị thực phú. Chiêu cảm quả Quả dị thực. Theo văn luận này. Ở trong tăng chúng, thì vì chuyển nghiệp nhân. Chẳng tự chiêu cảm lấy, nhưng nay ban đầu thì luận hợp với Câu-xá này. Câu: chuyển nghiệp Phú, chiêu cảm lấy thọ quả.

2) *Sư thứ hai giải thích:* Có nghiệp trước chiêu cảm lấy thọ quả dị thực. Nhưng có chướng. Đây cũng dung là nghiệp bất định.

3) *Vị Sư thứ ba nói:* có nghiệp trước chiêu cảm quả Quả dị thực, nhưng không chắc chắn.

4) *Vị sư thứ tư giải thích*: Do bố thí thiên định, nên dẫn lấy Tàn thọ dị thực đời trước.

Ba vị sư trên giải thích đều trái với luận Câu-xá này.

Luận Câu-xá chép: “Khi người kia có thể cảm nghiệp dị thực Phú nithi đều chuyển chiêu cảm chịu Quả dị thực. Ba vị sư sau này đều không nói chuyển nghiệp Phú, chỉ nói thọ nghiệp có chương, Bất định, tàn quả, nên biết chẳng phải giúp cho luận này.

Luận chép : Từ câu lại có khi muốn khiến cho đến “Dẫn chấp thọ dụng”.

Đây là nhà Tỳ-bà-Sa thứ tư.

Luận chép: Từ câu “Thế nào là Bố-sô” cho đến “quả dị thực Phú”.

### **30. Giải thích xả thọ hành:**

Đây là giải thích: Thọ xả hành, y theo thọ xả hành muốn thọ xả hành đều thực hành bố thí này v.v... chắc chắn biết không phải chuyển hiện thí nghiệp chiêu cảm chịu. Khiến chiêu cảm lấy phú. Muốn muốn chuyển thọ xả nghiệp, khiến chiêu lấy phú quả. Muốn khiến loại thọ, nay cùng tạo thọ nghiệp khiến chiêu cảm phú, đối với thọ xả hành có dụng gì ư? Nên biết. Trong lưu thọ, thực hành bao nhiêu bố thí chỉ là chuyển lực, không chiêu cảm hiện quả.

Hỏi: Như vậy, làm sao bố thí?

Đáp: “Tỳ-bà-Sa” chép: “Hỏi: Lưu thọ hành làm do ai dẫn? Là do bố thí hay định lực? Nếu do năng lực bố thí thì không nên nhập định. Nếu do năng lực định thì không nên thực hành bố thí, có chỗ nói do bố thí. Nói như vậy đều do hai thứ. Tuy thường hành thí, hoặc không chắc chắn. Lưu thọ hành cuối cùng không thể dẫn thọ quả. Tuy thường nhập định hoặc không hành thí. Lưu thọ hành cuối cùng không thể dẫn thọ quả. Nhưng năng lực bố thí có công năng dẫn định lực khiến chắc chắn. Do đó nên nói đều do hai thứ, y theo văn luận trên, do thí mạng duyên có thể dẫn quả khứ chiêu cảm nghiệp phú, cảm chịu quả. Luận Tỳ-bà-Sa quyển một trăm hai mươi sáu giải thích thọ xả hành có sáu sư giải thích.

Hỏi: Lý không thọ Quả dị thực nên thành quả dị thực Phú. Vì sao thọ nghiệp dị thực tức chuyển có thể chiêu cảm quả dị thực Phú.

Đáp: Có ba Sư lưu thọ như trước; chỉ nói thọ phú có khác, đều nói do năng lực của bố thí, thiên định.

Sư thứ tư nói: “ có nghiệp trước chiêu cảm quả dị thực Phú, thô mà chẳng diệu. Do nay bố thí, định lực bờ mé. Khiến hoặc thô nghiệp chiêu

cảm quả tốt đẹp. Nghĩa là trước kia dẫn trường thời thô quả. Nay do bố thí: Định lực, nguyện lực khiến kia chiêu cảm Quả tốt đẹp bây giờ.

Giải thích thứ năm: Lại có khi muốn khiến dẫn tàn Phú nghiệp dị thực, như giải thích thứ tư về Lưu thọ.

Luận Tỳ-bà-sa chép:

Hỏi: Nếu các hữu tình thọ quả, phú quả, chắc chắn là có thể lưu, xả. Nếu đều chắc chắn làm sao lưu, xả.

Đáp: chỉ làm phần hạn, không lưu việc xả. Thí như thầy thuốc đã ghi hạn sử dụng không được quá. Đây cũng nên như vậy. Y theo luận này, Lưu thọ xả hành là nghiệp Phú và nghiệp thọ đều bất định, nên có thể lưu, xả. Nếu chắc chắn thì chỉ là phần giới hạn không thêm bớt. Còn theo văn đó thì Tăng thọ hành là có công năng bao gồm chẳng phải bố thí hiện tại, câu văn rất rõ ràng. Tôn giả Diệu Âm thứ sáu đã giải thích như “Luận Câu-xá”. “Luận Chánh Lý” chép: Lại không phân biệt. Trong các căn này chỉ có một mạng căn chắc chắn là dị thực. Vì sao mạng căn này được vô phân biệt. Định quả mạng căn chẳng phải dị thực. Mạng căn như thế cũng là dị thực. Đắc định bờ mé, ứng quả Tỳ-kheo trong ở tăng chúng, hoặc người khác bố thí tư quả. Nghĩa là ngã có công năng chiêu cảm nghiệp dị thực Phú. Nguyện đều chuyển chiêu cảm chịu quả dị thực.

“Luận Câu-xá” chép: “Tương đương với sự giải thích ban đầu của “Luận Tỳ-bà-sa”.

Theo Luận Tỳ-bà-sa quyển bốn giải thích: Trước giải thích và sau lập “Do thí có công năng dẫn định, có thể chắc chắn, tức là tử của hiện thí. Dẫn cựu nghiệp khởi nên gọi là quả thi ân, giải thích này phù hợp với giải thích đầu của Tỳ-bà-sa. Ba giải thích của ba sư Tỳ-bà-sa đều trái với luận Câu-xá, không đáng tin cậy. Nếu không như thế thì trái với giải thích của Bà-sa. Lại trái với thọ xả hành của luận này.

“Luận Chánh Lý” quyển hai, giải thích đồng với Tỳ-bà-sa quyển ba. Giải thích thứ ba đồng với Tỳ-bà-sa quyển bốn. Trong luận Du-già Sư Địa và luận Chánh Lý sao chép rằng: “Luận Chánh Lý và Luận Câu-xá giải thích đều sai, “Tát-bà-đa” thì đúng nghĩa. Ở đây dẫn nghiệp bất định làm chính, do không chấp nhận mạng căn làm quả hiện nghiệp. Dẫn vô biên vị soạn bà-sa quyết trạch rằng: “Như nói một pháp là nghiệp quả chẳng phải quả hiện nghiệp, nghĩa là mạng căn. Lại không cho phép một nghiệp cảm, nhiều thân. “Luận Du-già Sư Địa” chép: “Nhưng chưa rõ chỗ sâu xa nên càng phải suy nghĩ điều đó. Nay rõ ràng là Hữu Bộ mạng Căn Định hiện quả. Không chấp nhận

cho một dẫn nghiệp dẫn quả nhiều đời. Cũng không chấp nhận cho tạo nhiều dẫn nghiệp, cùng cảm trong một đời. Nay lưu thọ này nếu giải thích chung, hoặc là y theo nguyện lưu thọ, tức là chuyển quả phú ở trước nói tiếp mạng căn hôm nay, tức có hai nghiệp cảm:

1) Một đời hoặc nói nay chiêu cảm mạng căn bất định kéo dài mạng căn, khác với nguyện, nay dùng hai nghĩa này giải thích.

a) Lấy định, nguyện và lực thi ân kéo dài nghiệp bất định lưu thọ được dài.

Hỏi: Nếu vậy thì chẳng lẽ khác nhau với nguyện?

Đáp: Do nguyện nghiệp phú cảm chịu quả nguyện này mới kéo dài nghiệp bất định. Nếu dùng mạng duyên thí, v.v... thì mới có thể kéo dài.

b) Chuyển nghiệp Phú, khiến chiêu cảm chịu quả.

Hỏi: Như vậy không phải một đời có nhiều dẫn nghiệp và không lấy cùng quả ư?

Đáp: Không chấp nhận hai dẫn nghiệp cùng thọ một đời. Do thí nguyện lực giúp không thể nghĩ bàn, cho nên chuyển chẳng chấp mãn nghiệp, khiến chiêu cảm chịu quả. Nhưng không phải một đời mà dẫn nhiều nghiệp quả như sắc là ngại. Chung sức không thể nghĩ bàn nên khiến cho vô ngại. Nếu không như vậy. Vì sao luận này nói nghiệp dị thực Phú thì đều chuyển chiêu cảm chịu quả dị thực. Nếu nói thí tứ là dẫn chiêu cảm quả hiện tại, thì đây có nhiều sai lầm. Trái với Tỳ-bà-sa tăng thêm, xả bỏ. Một đời nhiều dẫn nghiệp, trái với văn thọ xả hành, trái với vô biên Trụ quyết trách rằng: “Một pháp là nghiệp quả chẳng phải quả hiện nghiệp, nghĩa là mạng căn. Lại không chấp nhận một nghiệp chiêu cảm nhiều thân. Nếu dẫn cảm nghiệp Phú, chiêu cảm thân này. Đây là nhiều nghiệp cảm quá một đời. Nhưng trong hai giải thích này thì nên chọn lấy giải thích sau. Thuận theo luận này, Tôn giả Pháp Thắng nói mạng căn này chẳng phải dị thực. Luận đó nói có mười ba căn, đều có cả hai thứ. Đây là trái với luận này một căn chẳng phải nghiệp là dị thực, chín căn chẳng phải nghiệp, chẳng phải dị thực mười hai bất định, có người giải thích luận.

2) Dẫn ý luận này, ý của Tông này nói: Vì khi bố thí không có tham tương ứng với tư duy. Chính là có công năng chiêu cảm hiện mạng căn dị thực. Vì định bờ mé v.v... là duyên chuyển nghiệp Phú làm cho chiêu cảm chịu quả. Đây là hiện nghiệp có công năng chiêu cảm mạng căn hiện tại. Đây giải thích là định.

Hỏi: Đồng phần có hiện cảm hay không? Mạng và đồng phần cái

nào chung, cái nào riêng?

- *Giải thích một:* Đồng phần là chung, mạng căn là riêng, Đồng phần chẳng phải hiện cảm, Mạng căn gồm cả hiện cảm. Do chung, riêng khác nhau. Hiện không hiện khác nhau, nên đồng phần dài mạng căn ngắn thì có thể kéo dài, còn đồng phần cũng ngắn thì mạng căn không thể kéo dài. Luận này chép: “Chuyển chiêu cảm chịu quả. Do đó mà biết. Hiện và gồm cả chiêu cảm mạng căn. Dưới đây luận chép: Bốn, nghiệp được câu tác, dẫn đồng phần chỉ có ba bậc. Lại dẫn luận Tỳ-bà-sa quyển 14 nói ba thuyết. Tỳ-bà-sa quyển 32 chép: Mạng căn chúng đồng phần là lôi kéo dẫn quả. Giải thích rằng: Dẫn nghiệp chẳng phải chỉ chiêu cảm đồng phần chung, cũng có thể chiêu cảm cả mạng căn riêng.

Pháp sư Đàn nói: Cự dịch là Tổng, Tân dịch là Dẫn, Cự dịch là Biệt, Tân dịch Mãn. Dẫn, Mãn, Tổng, Biệt là tên khác của mắt mục. Dẫn nghiệp gồm cả Biệt mạng, há chẳng phải lỗi Dẫn mãn lẫn lộn ư?

- *Giải thích thứ hai:* Đồng phần là “chung”. Mạng căn là “riêng” chỗ này đồng với giải thích thứ nhất, nhưng nói có khác. Điều cho phép hiện cảm là do nghiệp lực. Dẫn sư thứ ba của Tỳ-bà-sa, bốn nghiệp gồm cảm chúng đồng phần.

- *Giải thích thứ ba:* Đồng phần là chung, Mạng căn là riêng đồng với giải thích một, đều gồm cả hiện cảm, đồng với giải thích thứ hai.

“Khác nhau” tuy chung riêng khác nhau, nhưng đều gồm cả nghiệp cảm hiện tại. Dài bằng với dài, ngắn bằng với ngắn. Kéo dài đồng với kéo dài, rút ngắn đồng với rút ngắn.

- *Giải thích bốn:* Đồng phần chẳng phải hiện cảm. Mạng căn bao gồm hiện cảm. Đồng với giải thích một. Nói cách khác, cả hai đều dẫn Tỳ-bà-sa quyển ba mươi hai.

- *Giải thích năm:* Điều gồm cả hiện cảm, đồng với giải thích thứ hai. Cả hai đều là chung, đồng với giải thích thứ tư. Nói khéo là hoặc kéo dài đồng phần, hoặc kéo dài mạng căn.

- *Giải thích sáu:* Điều gồm cả hiện cảm, đồng với giải thích thứ hai. Cả hai đều là chung, đồng với giải thích thứ tư. Nói “Sai khác” là đã đều gồm cả hiện cảm, còn đồng là chung. Dài thì bằng với dài, ngắn thì bằng với ngắn. Kéo dài thì đồng với kéo dài, rút ngắn thì đồng với rút ngắn. Tuy có sáu giải thích, nhưng giải thích ban đầu là hơn. Chẳng phải chỉ thuận theo nhiều văn luận, cũng là ở lý hay. Nói rõ hơn Đại sư Ấn Quang đã dẫn. Luận chép: Bấy giờ, kia năng cảm nghiệp dị thực Phú thì đều chuyển chiêu, thọ quả dị thực”. Nghĩa là chuyển nghiệp

hiện thí tự là được chuyển nghiệp. Chiêu cảm hiện mạng căn. Trái với giải thích của “Tỳ-bà-sa” quyển bốn và nghĩa chuyển về được chuyển. Gồm trái với văn thọ xả hành, như đã trình bày trên đây. Cũng trái với tự giải thích. Thí tự chiêu cảm mạng căn. Sao lại dùng định, nguyện, mà chuyển. Nói mạng là mãn. Lại trái với Tỳ-bà-sa quyển ba mươi hai và “Luận Chánh Lý” quyển mười sáu, như sẽ trình bày dưới đây. Lại nói mạng căn và đồng phần đều có thể làm cho sáu xứ thời gian trụ dài, ngắn. Không hiểu được ý luận như đã trình bày ở trước.

Hỏi: Mạng và đồng phần, cái nào dẫn quả?

Đáp: Tỳ-bà-sa quyển 32 chép: “Lại, mạng căn, chúng đồng phần là dắt dẫn quả, “Luận Chánh Lý” quyển mười sáu chép: “Muốn ý nghiệp dẫn mạng căn, chúng đồng phần”. Lại chép: “Thân nghiệp và ngữ nghiệp chắc chắn không thể dẫn mạng căn và chúng đồng phần”. Không như vậy thì trái với Khế kinh, Kinh chép: “Bị Liệt giới từ dẫn ở đây nói muốn có mạng căn, chúng đồng phần”. Lại nói: “Lại chẳng phải thứ lớp mỗi cực vi dắt dẫn mạng căn và chúng đồng phần. Một tâm khởi. Câu văn này của “Luận Chánh Lý” và “Tỳ-bà-sa” quyển ba mươi hai đồng nhau, đã có chánh văn nói mạng là dẫn, không có văn nói mạng là mãn, không thể y nghĩa nói: Mạng là mãn mà trái với chánh văn.

Hỏi: Như vậy vì sao luận “Tỳ-bà-sa” quyển 114 giải thích: “Bốn nghiệp ba thuyết”.

1) Hai nghiệp sanh sau chiêu cảm chúng đồng phần và mãn, hiện và bất định cảm mãn, chẳng phải chúng đồng phần.

2) Ba là chiêu cảm chúng đồng phần và mãn, trừ hiện. Hiện có thể chiêu cảm. Mãn chẳng phải chúng đồng phần.

3) Bốn có công năng chiêu cảm chúng đồng phần và mãn. “Tỳ-bà-sa” đối với Mãn nói Chúng đồng phần, không nói mạng căn. Nên biết mạng chỉ là mãn.

Đáp: Văn kia nói: “Bốn nghiệp chiêu cảm quả dẫn, mãn khác nhau. Trong dẫn nêu chúng đồng phần. Mạng có thể xếp vào đồng. “Tỳ-bà-sa” quyển ba mươi hai chép: “Chánh văn nói chúng đồng phần, mạng căn là quả nào? Nói đủ là cả hai đều dắt dẫn quả. Trong bốn nghiệp là y theo nghĩa, Tỳ-bà-sa quyển 32 và “Luận Chánh Lý” là chánh văn, không được giải thích chánh văn theo nghĩa chuẩn. “Luận Câu-xá” chép: “Dẫn đồng phần chỉ có ba”, tức là nghĩa của sư thứ hai, do có dẫn mạng căn và đồng phần nên nói “Dẫn đồng phần muốn phân biệt với mạng căn”. Nếu chỉ đồng phần là dẫn, nhưng lẽ ra nói dẫn, sao

lại dùng đồng phần?

Hỏi: “Mạng căn và đồng phần đều là dẫn quả, vì sao chỉ nói lưu xả mạng hành, không nói lưu xả đồng phần”.

Đáp: Hai dụng khác nhau. Nên luận chép: “Một đường sanh các loài hữu tình có nhiều thân hình các căn nghiệp dụng và ăn uống tự nhân lẫn nhau. Luôn cả tướng lẫn lượt nhân ham muốn vui, gọi là chúng ta đồng phần nên có pháp riêng để chuyển noãn, thức nối tiếp tự nhân gọi tên là thọ. Lại mạng căn có dụng tăng thượng, nghĩa là có thể khiến cho chúng đồng phần nối tiếp tự. Y theo đây nên biết kéo dài và rút ngắn là mạng căn không phải chúng đồng phần.

### **31. Luận chủ giải thích:**

Luận chép: Từ câu “Tôn giả Diệu Âm” cho đến “thọ xả hành”, lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu nên nói như thế cho đến “đều là dị thực”. Đây là nói Luận chủ giải thích.

“Luận Chánh Lý” bác bỏ rằng: “Mà kinh chủ nói do định lực cao siêu dẫn lấy các đại chúng căn chưa hề tự phần thời thế”. Như thế mạng căn chẳng phải dị thực câu nói này vô lý. Vì sao? Vì họ chỉ nói các căn đại chúng tự thời thế phần gọi là mạng căn. Như sau sẽ phá. Nếu chấp nhận như thế tùy chấp đó là nuôi lớn đẳng lưu tánh, đều không phải lý và không nên chấp là tánh nuôi lớn. Nó có thể giữ gìn quả dị thực, dị thực được giữ gìn rồi chuyển hết. Không nên dị thực nối tiếp chặt rồi chỉ có nuôi lớn, mắc lỗi thái quá. Cũng không nên chấp là tánh Đẳng lưu. “Nhân v.v... không khác với tánh Đẳng lưu. Vô ký chẳng phải quả Thiệt đẳng lưu. Còn giới lẽ ra thành lỗi lẫn lộn. Cũng không nên chấp là tánh dị thực. Định chẳng phải nhân của dị thực cõi Dục. Còn kia là tự chấp nhận việc như thế. Nhưng lời đã nói mê lầm khó hiểu. Nhậm vận chỉ ra. Kia gọi pháp nào mà nói mạng này chẳng phải dị thực?

### **32. Giải thích lý do lưu thọ hành xả thọ hành:**

- Luận chép: Từ câu “từ luận sanh luận” cho đến hai thứ kham năng”. Là giải thích lý do lưu thọ hành. Nên biết.

Luận chép: Từ câu “lại vì nhân duyên gì” cho đến “Du như xả bỏ các thứ bệnh”: Là giải thích: Lý do thọ xả hành. Lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu trong đây nên biết cho đến “vô phiền não”: Là giải thích: Lưu thọ xả, xứ, người v.v... “Xứ” chỉ cho ba châu, “đường” là chỉ cho người. “Y” chỉ cho nam, nữ. “Căn” chỉ có bất thời giải thoát. “Tuệ” câu giải thoát, chỉ cho đều giải thoát, được bờ mé định của các A-la-hán. Phân biệt vị, do trong thân kia có định tự tại. Phân biệt với

độn căn, không phiền não, phân biệt với hữu học:

Luận chép: Từ câu “Kinh nói Thế tôn” cho đến “do đây tạm trụ, gọi là mạng hành”.

Đây là giải thích hai tên khác nhau là tuổi thọ hành trong kinh lời văn rất dễ hiểu.

### **33. Giải thích Đa mạng thọ:**

Luận chép: Từ câu nhiều lời để hiển bày cho đến không nên nói hành: Là giải thích: “Đa mạng thọ” nhưng có ba giải thích.

*Giải thích một:* Đây là giải thích Mạng thọ lưu xả nhiều niệm chẳng phải một sát-na có nghĩa lưu, xả. Nên Bà-sa chép: “Nhiều lời hiển bày: Sở lưu, sở xả, chẳng phải một sát-na, hành nói là hiển bày sở lưu, sở xả là pháp vô thường.

*Giải thích hai:* Hữu bộ giải thích: “Có thuyết nói nhiều lời này là ngăn chấp của Chánh Lượng bộ, kinh Nhất Mạng Thọ thật thể, trụ trong thời gian dài. Lúc mới khởi gọi là Sanh. Cuối cùng gọi là diệt, trung gian gọi là Trụ, Dị. Hành nói là hiển lưu, xả nhiều niệm. Mạng hành, thọ hành, niệm niệm thể khác, chẳng phải kinh Nhất Mạng Thọ Thật Thể”. Trụ trong nhiều thời. Sư thuộc kinh bộ thứ ba nói: Nhiều lời vì nói lên không có nhất thật mạng thọ thể. Nhưng đối với năm uẩn có rất nhiều hành. Giả lập hai tên tuổi thọ như thế, nên nói “nhiều hành”. Nếu cho rằng không đúng thì không nên nói hành, chỉ được nói lưu đa mạng, xả đa thọ. Vì hành đây là tên chung của hữu vi chẳng phải chỉ có mạng thọ.

### **34. Thế tôn lưu xả:**

Luận chép: Từ câu “Thế tôn vì sao” cho đến “mà phiền não”.

Đây là nói Thế tôn lưu, xả, lời văn rất dễ hiểu.

Luận Tỳ-bà-sa quyển 126 chép: “Kinh nói Thế tôn lưu đa mạng hành. Xả đa thọ hành. Nghĩa đó là gì?

Có người nói rằng: “Chú Phật, Thế tôn xả phần thọ thứ ba. Nếu nói chư Phật xả phần thọ thứ ba là nói thọ lượng của Đức Phật Thế tôn Thích-ca Mâu-ni lẽ ra trụ thọ một trăm hai mươi tuổi, Xả bốn mươi năm sau, Chỉ còn thọ tám mươi tuổi.

Hỏi: Khi Phật ra đời, tuổi thọ của con người ở châu này không hơn một trăm tuổi, Vì sao Thế tôn lại thọ một trăm hai mươi tuổi?

Đáp: Như sắc thân, dòng họ của Phật giàu sang. Tri kiến hơn các hữu tình, thọ lượng cũng hơn loài người. Nếu nói Chư Phật thọ xả thứ năm là nói Đức Thế tôn Thích-ca Mâu-ni đã cảm được thọ lượng nên trụ một trăm năm, xả hai mươi năm sau, chỉ còn thọ tám mươi năm.

Hỏi: Sắc thân và dòng họ của Chư Phật giàu sang, đồ chúng, tri kiến của các Ngài hơn các loài hữu tình, vì sao thọ lượng lại bằng với mọi người.

Đáp: Vì các ngài sanh ra thọ lượng lúc đó, do kinh này nói thọ xả hành, nghĩa là xả bốn mươi hoặc hai mươi tuổi. “Luận Chánh Lý” quyển ba mươi hai đồng quan điểm với Tỳ-bà-sa.

### **35. Giải thích ưu căn và tám căn:**

Luận chép: Từ câu nói phụ đã xong, cho đến “đều có cả hai thứ”: Là giải thích: Ưu căn và tám căn: Tín v.v... là hữu ký nên chỉ là phi dị thực. Bảy sắc căn, ý căn, trừ bốn thọ như ưu... mười hai có cả dị thực, phi dị thực.

Luận chép: Từ câu “bảy căn hữu sắc” cho đến “còn lại đều là dị thực”: Là giải thích lại, như văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu “Nếu nói ưu căn” cho đến “Thuận thọ xả nghiệp”. Là Người ngoài vặn hỏi, có ba, thuận, ái, thọ, nghiệp cũng là thuận dị thực nghiệp.

Luận chép: Từ câu “nương thọ tương ứng” cho đến “gọi là thuận thọ lạc xúc, Hữu Bộ hỏi chung”: Đây là tương ứng gọi là thuận, chẳng thuận quả dị thực.

Luận chép: Từ câu “nếu thế cho” cho đến “cũng nêu như thế”. Người ngoài dùng thọ hỷ so sánh lẽ ra cũng chỉ y theo tương ứng gọi là thuận.

Luận chép: Từ câu “một kinh nói” cho đến “Lý đều không lỗi, là Hữu bộ giải thích rằng: Thuận dị thực đối với ngã không trái. Tương ứng gọi là thuận cũng không trái với [520] tôi.

- Luận chép: Từ câu không có chỗ tránh nạn, cho đến “ưu chẳng phải dị thực”. Ngoại đạo nêu lại.

- Luận chép: Từ câu “dùng ưu phân biệt” cho đến dị thực thì không như thế: Là Giải thích của Hữu Bộ.

- Luận chép: Từ câu “Nếu thế hỷ căn” cho đến “sanh và ngừng dứt: Người ngoài so sánh hỷ căn với nạn.

- Luận chép: Từ câu Nếu chấp nhận ưu căn cho đến gọi là quả đã huân thực. Hữu Bộ vặn hỏi trở lại ngoại đạo.

### **36. Ngoại đạo dẫn Hỷ căn so sánh giải thích:**

- Luận chép: Từ câu “lẽ ra cũng như thế” cho đến “gọi là quả đã thuần thực”. Ngoại đạo dẫn hỷ căn so sánh giải thích.

Luận chép: Từ câu “Sư Tỳ-bà-sa” cho đến “nên chẳng phải dị thực” là Hữu Bộ dẫn Tỳ-bà-sa giải thích.

“Luận Chánh Lý” vì sao chắc chắn gọi ưu, chẳng phải dị thực. Đây là dị thực. Là không đúng lý, vì sao không đúng? Vì lia dục tham không chuyển theo. dị thực thì không như vậy, dù cho chuyển theo cũng phải như gốc khổ. A-la-hán v.v... cũng rất dễ hiểu có, nhưng thật chẳng phải có vì Kinh đã ngăn dứt. Như Khế kinh nói: Nếu thấy giai vị Đại sư Bát Niết-bàn, cũng không ưu sầu v.v... lại vô dụng. Thiện cũng không hành, không thể làm lợi ích như hỷ căn Chép: Nếu thế cho đến làm sao biết có: Là người ngoài nêu hỷ căn có tướng.

- Luận chép: Từ câu “Tùy kia có tướng” cho đến “chắc chắn chẳng phải dị thực”.

Đây là giải thích của Hữu Bộ có tướng hỷ, không có tướng ưu.

- Luận chép: Từ câu tám căn như mắt, v.v... cho đến là dị thực ác: Đây là giải thích

Các căn dị thực khác với dị thực ở đường thiện, ác.

- Luận chép: Từ câu ở trong đường lành cho đến “nghiệp thiện dẫn”.

Đây là giải thích hàng phục nạn, lời văn rất dễ hiểu.

- Luận chép: Từ câu Đã nói như thế cho đến “có mấy vô dị thực”.

Một bài tụng thứ ba dưới đây nói: “Có môn dị thực vô dị thực”.

- Luận chép: “cho đến chắc chắn có dị thực”: Là giải thích câu thứ nhất của bài tụng. Luận chép: Y theo nghĩa duy việt, bài tụng nói chắc chắn có thanh: Là giải thích chữ Định trong bài tụng. Luận chép: Nghĩa là nói ưu căn cho đến nên vượt thứ lớp mà nói: Là giải thích vượt thứ lớp.

### **37. Trước nói ưu căn:**

Giải thích: Trước nói lý do ưu căn định có dị thực.

1) Chỉ có dị thực.

2) Gồm có hai nghĩa: do hai nghĩa này mà vượt thứ lớp. Trước nói “Ưu căn chắc chắn có dị thực”.

- Luận chép: Từ câu “có hai nghĩa” cho đến “chỉ có tán địa”: Là giải thích hai nghĩa, chỉ dị thực mới có hai nghĩa này:

1) Phi vô ký.

2) Phi vô lậu.

Ưu căn có đủ hai nghĩa này cho nên nói trước.

- Luận chép: Từ câu “Do đây vượt thứ lớp” cho đến “chắc chắn có dị thực”. Đây là kết lý do “trước nói ưu căn chắc chắn có dị thực”.

- Luận chép: Từ câu tám thứ trước như mắt, v.v... cho đến “ba vô lậu”: Là giải thích: Mười một căn chắc chắn không có dị thực, không có

dị thực có hai nghĩa:

- 1) Vô ký.
- 2) Vô lậu.

Tám căn như nhãn căn... chỉ có một nghĩa, đó là vô ký. “Vô” là vô lậu. “Ba căn vô lậu” chỉ có một nghĩa, đó là vô lậu. “Vô” là vô ký, tuy có nghĩa chắc chắn vô dị thực. Không gồm cả hai, không vượt thứ lớp nói, đối với thuyết thứ hai: Chắc chắn không có dị thực.

- Luận chép: Từ câu “còn lại đều có cả hai cho đến đều có cả hai thứ. Duy hữu ký, hữu lậu, hữu dị thực. Duy vô ký, vô lậu, vô dị thực”: Là giải thích: “Mười căn khác chung hai thứ, trước tóm lược sau nói rộng. Đây là sơ lược.

### **38. Giải thích bốn căn năm căn:**

- Luận chép: Từ câu “Ý lạc hỷ xả” cho đến “Vô dị thực”. Đây là giải thích bốn căn có cả hữu lậu, vô lậu, chung ba tánh. “Nếu chẳng phải vô lậu chẳng phải vô ký”. Một bề hữu dị thực, “nếu vô ký vô lậu” là không có dị thực.

- Luận chép: Từ câu “gốc khổ” cho đến “không có dị thực”.

Đây là giải thích gốc khổ chỉ có hữu lậu chung ba tánh, chỉ có tánh vô ký thực vô dị”.

- Luận chép: Từ câu năm căn như tín v.v... cho đến vô dị thực: Đây là giải thích năm căn có cả hữu lậu, vô lậu, chỉ là tánh thiện, nếu là hữu lậu thì có dị thực.

Luận chép: Đã nói như thế cho đến có mấy vô ký: Dưới đây một bài tụng thứ tư, là môn chia ra ba tánh. Luận chép cho đến nên nói trước đây là giải thích tám căn như Tín căn v.v... , trước nói lý do, hai mươi hai căn, tín v.v... là nói sau. Kế là trong môn trước lại nói tín căn, v.v... nên gồm cả trước liền nói các căn như tín căn, v.v...

### **39. Giải thích mười bốn căn khác:**

- Luận chép: Từ câu “Ưu căn chỉ chung” cho đến “tánh Vô ký ”: Là giải thích: Mười bốn căn khác, lời văn rất dễ hiểu. Ưu căn chỉ có tánh thiện và bất thiện, không có vô ký. “Tỳ-bà-sa” quyển 144 giải thích: Ưu chẳng phải vô ký. Ưu căn cũng chẳng phải hữu phú vô ký. Do cùng cõi Dục có chấp chấp thân, biên kiến. Bất tương ưng. Vì sao? Vì hành tướng khác. Hai kiến đó ưa chuyển hành tướng. Ưu căn thích chuyển hành tướng. Chống trái lẫn nhau, pháp Bất tương ưng. Ưu căn cũng chẳng thuộc về vô phú vô ký, chẳng phải oai nghi lộ, công xảo xứ, dị thực sanh.

### **40. Hỏi đáp về oai nghi lộ:**

Hỏi: Vì sao ưu căn chẳng thuộc oai nghi lộ?

Đáp: Ưu căn phân biệt chuyển, oai nghi lộ không có phân biệt chuyển, nếu oai nghi lộ có ưu căn thì dù có phân biệt nay tôi lẽ ra thực hành oai nghi như thế. Như Phật Thế tôn, hoặc như Mã Thắng. Ngay phân biệt thì liền trụ oai nghi như thế. Nhưng oai nghi lộ thì không có sự phân biệt này. Nên oai nghi lộ không có ưu căn.

Hỏi: Vì sao ưu căn chẳng phải công xảo xứ?

Đáp: Ưu căn phân biệt chuyển, Công xảo xứ thì vô phân biệt chuyển. Nếu công xảo xứ có ưu căn. Thì dù có phân biệt nay tôi lẽ ra thực hành công xảo như thế, như Phật Thế tôn, hoặc như Thiên tử diệt nghiệp, ngay khi phân biệt đã thành xong công xảo như thế. Nhưng công xảo xứ không có phân biệt đó, nên công xảo xứ không có ưu căn.

Hỏi: Vì sao ưu căn chẳng phải dị thực sanh?

Đáp: Ưu căn phân biệt chuyển, dị thực sanh vô phân biệt chuyển, nếu dị thực sanh có ưu căn thì dù có phân biệt nay lẽ ra tôi phải thọ dị thực như thế, như Phật Thế tôn, hoặc như vua Thánh Chuyển luân, ngay khi phân biệt liền phải thọ dị thực như thế. Nhưng dị thực sanh không có phân biệt này nên dị thực sanh không có ưu căn, như luận đó có giải thích rộng.

Hỏi: Vì sao thọ có cả ba tánh, còn niệm, định, tuệ lại không có ba tánh.

Đáp: Thọ được lập trong hai mươi hai căn. Cho nên nói thọ có cả ba tánh. Niệm, định, tuệ chỉ có thiện xếp vào hai mươi hai căn.

- Luận chép: Từ câu “Đã nói như thế” cho đến “có bao nhiêu Vô Sắc hệ”. Một bài tụng dưới đây là thứ năm nói về môn Giới hệ. Luận chép cho đến mười chín căn.

#### **41. Nói về môn giới hệ:**

Ở đây nói cõi Dục chỉ có mười chín căn, trừ ba căn vô lậu sau.

- Luận chép: Từ câu “Cõi sắc như trước” cho đến “cũng chung cõi Sắc hệ”.

Nói mười lăm căn có cả cõi Sắc hệ. Nói thông nên muốn hiển rõ cõi Dục cũng có, gồm trừ nam, nữ, ưu, khổ.

#### **42. Giải thích lý do:**

- Luận chép: Từ câu “Trừ nữ nam giả” cho đến “Thân xấu xí”.

Đây là giải thích lý do cõi Sắc không có nam căn nữ căn. Vì là pháp dâm dục. Nếu vậy vì sao có mũi, lưỡi. Vì giải thích phục nạn nên nói xấu, đẹp khác nhau, mũi lưỡi có công dụng trang nghiêm thân.

- Luận chép: Nếu vậy vì sao nói kia là nam: Là Vượn hỏi. Hai tên

gọi nam, nữ là do hai căn mà có họ không có nam nữ, làm sao gọi là nam.

- Luận chép: Ở chỗ nào nói: là hỏi ngược lại.

- Luận chép: Từ câu trong Khế kinh nói cho đến “thân nam là phạm hạnh”: là dẫn kinh nói.

- Luận chép: Từ câu “có tướng nam riêng” cho đến tất cả thân nam. Đây là giải thích kinh, tuy không có căn nam mà có các tướng của thân Nam, nên gọi là nam. Chẳng phải như cõi Dục không có căn nam thì không có tướng nam.

#### **43. Giải thích lý do không có khổ không có ưu:**

- Luận chép: Từ câu “không có gốc khổ” cho đến “pháp Bất thiện”.

Giải thích: Lý do không có khổ, thân tịnh diệu nên không có lưu khổ đẳng, không có pháp bất thiện, nên không có khổ dị thực.

- Luận chép: Từ câu “không có ưu căn” cho đến việc “Não hại”: Là giải thích lý do không có ưu.

1) Vì nương theo thân định câu nên không có ưu.

2) Vì không có cảnh ưu nên không có ưu.

- Luận chép: Từ câu “Vô Sắc như trước” cho đến “năm căn như Tín v.v...”. Là nói cõi Vô Sắc chỉ có tám căn. Nói “chung” là nói cõi dưới cũng có.

#### **44. Môn chia ra ba đoạn:**

- Luận chép: Từ câu đã nói như thế cho đến “có mấy phi thì dứt”: Dưới đây là, một bài tụng thứ sáu, là môn chia ra ba đoạn.

- Luận chép: Từ câu “cho” cho đến “chẳng phải vô lậu”: Là nói bốn căn chung ba đoạn, vì tương ứng với kiến phiền não Tu phiền não nên kiến, đoạn tu dứt, chung với vô lậu, nên cũng không dứt. Ưu căn không có vô lậu, nên chỉ dứt. Nhưng tương ứng với kiến, hoặc tu hoặc, không chung với, chẳng dứt.

- Luận chép: Từ câu “bảy sắc mạng khổ” cho đến “đều là hữu lậu”.

Ở đây là nói chín căn chỉ là sở tu dứt. Không nhiễm ô nên không tương ứng với kiến, tu phiền não và chẳng phải cho ý căn thứ sáu sanh ra, nên chẳng phải thấy dứt, đều là hữu lậu nên là tu thì dứt. Không chung với chẳng dứt.

#### **45. Giải thích năm căn:**

- Luận chép: Từ câu “năm căn như Tín...” cho đến “và vô lậu”: Là giải thích: năm căn như Tín... Chẳng phải nhiễm ô, nên không có

thấy dứt, mà có hữu lậu. Nên là tu thì dứt. Có vô lậu nên cũng chẳng phải thì dứt.

- Luận chép: Từ câu ba căn sau cuối cho đến “thì thì dứt”: Là giải thích: Vì ba căn sau chỉ có không dứt.

- Sáu bài tụng trên đây là sáu môn phân biệt nghĩa loại khác nhau, dưới đây tám bài tụng y theo Đắc khác nhau, mà chia thành sáu môn.

- Luận chép: Đã nói các môn nghĩa loại khác nhau: Là Kết trước; Cõi nào trở xuống là sanh sau. Dưới đây bài tụng thứ nhất nói: Ba cõi, bốn loài mới được căn dị thực nhiều ít.

- Luận chép: Cho đến chắc chắn nhiễm ô. Đây là nói ba sanh cõi Dục, sanh ban đầu chỉ được hai căn dị thực. Bấy giờ tuy có ý xả hai căn, chỉ nhiễm ô nên chẳng phải căn dị thực. Ý căn dị thực không có pháp đã được trước. Dần dần đủ căn thì không có mắt, tai, mũi, lưỡi và nam, căn nữ.

- Luận chép: Từ câu “Sơ vị” hóa sanh cho đến “Sơ đắc tám căn”.

Nói về hóa sanh, y theo hóa sanh này phải đủ các căn.

#### **46. Giải thích thông ngại:**

- Luận chép: Từ câu chẳng lẽ có hai hình cho đến “hai hình hóa sanh”: Là giải thích thông, ngại. Y theo đường lành này không có hai hình, hóa sanh. Trên đây đã nói chỉ có dị thực căn, nếu gồm cả nhiễm ô đều thêm ý xả.

- Luận chép: “Nói trong cõi Dục” cho đến “cõi Sắc Vô Sắc”: Là Kết lời dẫn.

- Luận chép: Từ câu “cõi Dục dục hơn” cho đến “hơn cõi Sắc Vô Sắc”: Là giải thích: Bài tụng chỉ nói dục, sắc không nói cõi. Nhưng nói Thêm lớn phiền não, ở đây giải thích dường như thêm lớn phiền não.

#### **47. Giải thích cõi Sắc:**

- Luận chép: Từ câu “Cõi sắc mới đắc” cho đến người “Vô hình nói”: Là giải thích cõi Sắc.

- Luận chép: Từ câu “trên duy mạng giả” cho đến chỉ có mạng chẳng phải thứ khác: Là

Giải thích: Cõi Vô Sắc. Bài tụng trung, thượng chép: “Vì định thắng sanh thắng, chẳng phải ở cõi Dục, cõi Sắc. Không có chỗ khác. Văn còn lại rất dễ hiểu”. “Luận Chánh Lý” chép: “Do đó chứng biết, mạng căn thật có. Nếu đây chẳng phải hữu vi thì được căn nào gọi là sanh Vô Sắc. Chẳng phải thiện, nhiễm ô gọi là nghiệp quả sanh. Chưa thọ sanh kia thì cho hiện khởi. Lại tâm dị thực không tiếp nối lý sanh,

chỉ cho phép tâm nhiễm có thể tiếp tục sanh. Quá khứ, vị lai chẳng có người nói. Bảy giờ ba đời dị thực đều không, dị thực đã không thì sanh dựa vào thuyết nào. Tất nhiên phải chấp nhận có sanh y thật pháp. (Đại thừa có A-lại-da thì không lỗi. Kinh Bộ có lỗi). Tỳ-bà-sa quyển 137 chép: Hỏi: “Vô Sắc căn khác bảy giờ cũng được. Nghĩa là năm thọ như ý... năm căn như Tín căn v.v... Trong đây vì sao không nói?”

Đáp: Có thuyết nói: Bảy giờ nhất thiết đắc”: Trong đây có nói căn Vô Sắc khác tuy có được nhưng chẳng phải tất cả, cho nên không nói. Nghĩa là khi địa trên không sanh địa dưới, tuy được căn đó. Nếu tự địa mất lại sanh tự địa, thì đều không được, cho nên không nói.

Thuật rằng: Ở “đây nói trước không thành tựu, nay được gọi là đắc. Nếu ở tự địa chết đi, sanh lại tự địa. Vì trước thành tựu nên không gọi là đắc khi từ địa dưới không sanh địa trên. Bảy giờ thiện, nhiễm cũng thành tựu trước hết. Chỉ có căn cơ dị thực có cách nào không được trước, những chỗ sanh đó ban đầu được gọi là “Đắc”.”

#### **48. Hỏi đáp:**

Hỏi: Nếu nói tuy đồng với cõi Dục, vì quả báo khác nên vô ký căn này gọi là mới được. Vì sao được thức không được mất. Nếu mất từ hai, ba, bốn định không sanh Sơ tĩnh lự và cõi Dục thì chỉ được thức mà không được nhãn. Nhưng ở thân trước đã được nhãn phải không?

Đáp: Văn trước y theo mười tám giới mà soạn luận, luận đó đối với nhãn giới nói chung không phân biệt dị thực địa và nghiệp quả khác. Trong đây phân biệt căn dị thực, y theo nghiệp quả mà nói. Tuy ở đồng địa, mà trước thành mất, nghiệp quả khác nhau gọi là đắc. Có thuyết nói trong đây chỉ nói: “Mới được nghiệp sanh ra”, giai vị mới thọ sanh, Vô Sắc căn. Tuy có được nhưng không phải nghiệp sanh, nên ở đây không nói. Vị sau sở đắc tuy do nghiệp sanh, nhưng chẳng phải mới được, nên ở đây không nói. Ý luận này đồng với văn sau.

- Luận chép: Từ câu “nói căn dị thực” cho đến “có bao nhiêu căn diệt” sau: Bài tụng thứ hai dưới đây nói: “Cuối cùng diệt các căn nhiều ít”.

- Luận chép: Từ câu ở cõi Vô Sắc cho đến “diệt sau cùng”.

Đây là giải thích cõi Vô Sắc. Trước cõi Dục sau Cõi Vô Sắc. Văn này trước cõi Vô Sắc, sau cõi Dục. Nương theo nghĩa trước tiện hơn.

“Luận Chánh Lý” chép: “Lại Vô Sắc nói già, kia có sắc”, có Sư khác nói: “Đó có sắc”. Nếu không nói vật thật có mạng căn thì khác gì với thực dứt, gọi là Vô Sắc tử. Nếu nói bốn uẩn dị thực đoạn nên kia gọi là Tử. Thiện nhiễm ô tâm ra trước vị thì lẽ ra cũng gọi là Tử. Nếu nói dị

thục mà địa kia đã thọ còn chưa hết sạch. Làm sao không thọ mà có lúc hết. Thiệt nhiệm ô tâm hiện ra trước. Nên nói thọ đó là nghiệp dị thực nào. Chẳng phải không hiện tiền, nên gọi là Thọ. Nếu nói ở dị thực đó tập khí tu tập chuyển theo nên gọi là Thọ. Lý cũng không đúng, tập khí sở chấp chẳng phải cực thành, có Lỗi thái quá, dị thực tuy hết nhưng tập khí vẫn theo. Như nghiệp tập khí nên không có lúc chết. Nếu dị thực hết không còn tập khí. Thì Nghiệp lẽ ra cũng không có tập khí khác. Nếu nói tập khí đối với dị thực hiện tại, Như ngã được: Là nên như ngã được dị thực chẳng khởi tập khí thì không. Lại chẳng phải dị thực tập khí tùy chuyển gọi là thọ. dị thực chẳng phải tánh kia. Lại sở chấp của ông, lý tập khí không có. Sau sẽ nói rộng.

Sớ sao giải thích: Tông ta đặc đối với pháp dị thực.

Nếu dị thực diệt thì đặc cũng diệt theo, khác nhau với nghiệp đặc.

#### **49. Giải thích cõi Sắc:**

- Luận chép: Từ câu “Nếu ở cõi Sắc” cho đến “sinh tử”: Đây là giải thích cõi Sắc, Lời văn rất dễ hiểu.

- Luận chép: Từ câu “nếu ở cõi Dục” cho đến chỉ có tám trước:

Ở đây giải thích cõi Dục. Lời văn rất dễ hiểu.

- Luận chép: Đã nói như thế là dựa theo qua đời nhanh chóng, tổng kết trên diệt dựa theo đốn chung.

- Luận chép: Từ câu “Nếu qua đời dần” cho đến “diệt nghĩa trước sau”: Là giải thích Qua đời dần diệt căn nhiều ít, lời văn rất dễ hiểu.

- Luận chép: Từ câu đã nói như thế cho đến “mà qua đời”.

Kết luận hai thứ qua đời ngay và dần dần nói trên. Nhưng y theo nhiệm, vô ký tâm, mà qua đời. Nhiệm vô ký tâm diệt căn số đồng, cho nên hợp nói.

#### **50. Giải thích:**

- Luận chép: Từ câu “nếu ở ba cõi cho đến Như lý nên biết: Kế là giải thích: Thiệt tâm qua đời, tùy tâm sở ứng trước nói xả căn vị thêm tín, tấn, niệm, định, tuệ.

- Luận chép: Từ câu “trong căn Phân biệt” cho đến thế nào là “Quả sa-môn”.

Một bài tụng dưới là thứ ba nói về đắc quả dụng căn nhiều ít. Trong đây nói đắc có cả đạo Vô gián, đạo giải thoát và đắc quả. Trước làm nhân dẫn, sau chuyển thành y nhân. Do đó hai quả định dụng trước sau. Hai căn vô lậu đắc. Trong đây nói đắc, lúc mới Chứng gọi là Đắc. Không nói vị sau và luyện căn. Hai quả đầu và cuối ứng với tám căn

đắc. Lại trong đây nói đắc, là nhân gần cho quả đạo, gọi là đắc.

- Luận chép: Cho đến “ở trung gian”.

Giải thích tên quả biên trung.

**51. Giải thích Sơ quả:**

- Luận chép: Từ câu “Sơ quả Dự lưu” cho đến “y theo nhân tánh”:

Là giải thích: Sơ quả. “Luận Chánh Lý” chép: “Tuy đạo giải thoát ở quả Sa-môn. Chẳng phải nhân đồng loại. Mà là tương ứng, đều có nhân, gọi là đắc quả, cũng không có lỗi. Vì thể Sa-môn nương lẫn nhau mà đắc sanh, xoay vần đối nhau làm quả sĩ dụngv như vậy. Chấp nhận cũng không lỗi, hoặc đã biết căn, cũng là nhân đồng loại, sẽ được quả Dự lưu, nghĩa là lúc chuyển căn như A-la-hán thì gồm có nói cũng không có lỗi.

**52. Giải thích quả sau:**

- Luận chép: Từ câu “quả A-la-hán” cho đến “Y nhân tánh”: Là giải thích quả sau. Hai đạo giúp nhau như sơ quả giải thích tuy có ba căn: Lạc, hỷ, xả dụng hợp trước. Chính khi đắc quả, chỉ một thọ, không khởi chín căn. Tuy đạo Vô gián giải thoát không cùng lúc nhưng quả Đăng lưu, sĩ dụng là cùng lúc. Cũng không có lỗi.

- Luận chép: Từ câu “hai quả trung gian” cho đến “chín căn sở đắc”.

Dưới đây là giải thích hai quả trung, trước giải thích chung căn số, Sau giải thích riêng, đây là phần đầu.

Luận chép: Vì sao do chín căn mà được: Là giải thích quả thứ hai, trong đó có ba:

- 1) Y theo đạo thế gian, do bảy căn đắc.
- 2) Y theo đạo xuất thế, do tám căn đắc.
- 3) Y theo siêu việt, do chín căn được.

Luận chép: Từ câu “nếu quả bất hoàn” cho đến “Đắc quả Nhất lai”.

Dưới đây giải thích quả thứ ba, trong đó có bốn: Ba là như, quả nhất lai nói.

**53. Giải thích lại quả bất hoàn:**

Luận chép: nói chung tuy thế mà có khác nhau: Trở xuống giải thích lại quả Bất hoàn, căn số tuy đồng với quả trước, mà thọ căn có khác nhau, nghĩa là trước siêu việt chỉ dùng thọ xả, y theo Vị chí. Quả này siêu việt cả lạc, hỷ, xả, cho nương theo sáu địa, chứng ba quả. Nương theo Vị chí, trung gian và Tứ thiên tức là thọ xả. Hai thiên hỷ trước. Tam thiên lạc căn. Nếu thứ lớp thì cũng khác với trước. Thứ chín

giải thoát hoặc nhập địa căn bản. Hoặc ở Vị chí, hoặc vào căn bản địa, thêm hỷ căn. Nếu không nhập vào thì vẫn đồng với quả trước. “Tỳ-bà-sa” quyển 148 chép: “Lìa dục nhiễm, đạo giải thoát thứ chín. Ai nhập tịnh lự, ai không nhập ư? Có thuyết nói vì cầu tịnh lự mà lìa nhiễm thì nhập. Vì cầu giải thoát mà lìa nhiễm thì không nhập. Có thuyết nói: Người lợi căn thì nhập, người độn căn không nhập. Như trên là văn luận ba giải thích đều chung. Cho nên không lời bình.

Hỏi: Vì sao thứ lớp có nhập địa căn bản. Người siêu việt chứng thì không có lý này.

Đáp: Lìa tu đạo hoặc, có nhiều thứ khác nhau, hoặc có người thích trên chán dưới, mà dứt hoặc. Nếu là lợi căn tâm ưa thích nhiều thì được vào căn bản, hoặc vì cầu giải thoát, hoặc vì cầu tịnh lự mà dứt mê hoặc. Nếu lợi căn vì cầu tịnh lự được nhập căn bản. Đạo loại trí thì. Tuy là tu đạo mà nhiều niệm cũng có lợi căn. Nhưng vì hiện quán lý ban đầu, nếu y theo Vị chí vào ở thấy đạo, không vì ưa thích địa trên, không cầu tịnh lự nhập vào thấy đạo nên không vào căn bản. Lại giải thích: Trước đắc tịnh lự căn bản. Hoặc ý thích căn bản, thì y căn bản, hoặc ý thích vị chí, thì nương vào Vị chí. Do Vô gián giải thoát này, hẳn đồng một địa. Dứt hoặc Phi Tướng, không có địa trên để ham cầu. Y theo vị chí đó được quả thứ tư. Trong đạo giải thoát không nhập vào căn bản.

Luận chép: Từ câu “chẳng lẽ không phải căn bản” cho đến “Do chín căn được là hỏi”.

Luận chép: Từ câu “Thật đắc thứ tư” cho đến “Định do chín căn”. Là Đáp.

Luận chép: Đối với quả Bất hoàn sao không nói như thế: Là Vạn hỏi lại.

Luận chép: Từ câu “vì không có lạc căn” cho đến rất bền chắc: Là chung lời văn rất dễ hiểu. Theo “Luận Phát Trí” quyển 15 chép: Có mấy căn, diệt hẳn, khởi, quả Dự lưu?

Đáp: Không có căn dứt hẳn. Bảy căn khởi, diệt một căn diệt không khởi. Một khởi không diệt đắc quả Dự lưu.

Thuật rằng: Câu “dứt hẳn” nghĩa là đối với các căn, dứt hẳn ràng buộc, “đắc” nghĩa ly hệ. Câu “khởi diệt” là “đạo Vô gián” diệt “đạo giải thoát”. Câu “Diệt bất khởi” là “đạo Vô gián” diệt, “đạo giải thoát” không khởi. Câu “Diệt bất khởi” “đạo Vô gián” diệt đạo giải thoát không khởi. Câu “Khởi bất diệt” “đạo Vô gián” diệt, vô cơ không diệt. Đạo Giải thoát mới khởi nên nói khởi. Khi đắc quả Dự lưu, không có một căn được lìa hẳn, ràng buộc, nên nói “không có căn dứt

hẩn”. Nói bảy căn khởi diệt”, nghĩa là tín, tấn, niệm, định, tuệ căn và ý, xả. Đạo Vô gián diệt, đạo giải thoát khởi. “Hễ diệt thì không khởi” là Vị tri căn. tâm thứ mười lăm diệt. Sau lại không khởi “Hễ khởi thì bất diệt” là Dĩ tri căn. tâm thứ mười sáu khởi, tâm thứ mười lăm vô cơ không diệt. Hỏi: Có mấy căn đoạn diệt hẳn, hễ khởi thì được quả Nhất lai.

Đáp: Nếu thêm lìa dục nhiễm, nhập chánh tánh ly sanh, như người chứng quả Dự lưu nói. Nếu từ Dự lưu thì lấy đạo thế tục chứng quả Nhất lai, vô căn dứt hẳn. Bảy căn diệt khởi, được quả Nhất lai.

Thuật rằng: “Vô căn dứt hẳn,” đồng với thuyết Dự lưu “bảy căn khởi diệt” cũng đồng với Dự lưu. Nếu từ quả quả Dự lưu dùng đạo vô lậu chứng quả Nhất lai. Vô căn dứt hẳn. Tám căn khởi diệt đắc quả Nhất lai.

Thuật rằng: “Tám căn khởi diệt” đối với bảy căn thêm Dĩ tri căn, nghĩa là Vô gián diệt, đạo giải thoát khởi, cơ căn vĩnh đoạn, khởi đắc quả Bất hoàn.

Đáp: Đã lìa dục nhiễm nhập chánh tánh ly sanh, vô căn dứt hẳn. Bảy căn diệt khởi, hễ diệt thì không khởi, hễ khởi thì không diệt, đắc quả Bất Hoàn.

Thuật rằng: Vô căn dứt hẳn bốn căn trước đã dứt vị này không dứt các thứ khác là thấy đạo thứ mười lăm. Trong sáu tâm không dứt căn .

“Bảy căn diệt khởi”. Nếu y theo Vị chí, Trung gian và Tĩnh lự thứ tư. Tức là tín, tấn, niệm, định, tuệ và ý xả căn. Nếu y theo Sơ thiền, Nhị thiền, tức tín, tấn, niệm, định, tuệ và ý căn, hỷ căn. Nếu Tam thiền trừ hỷ thêm lạc. Nếu từ quả Nhất lai, dùng đạo thế tục chứng quả Bất hoàn, không nhập Tĩnh lự. Bốn căn dứt hẳn. Bảy căn diệt khởi được quả Bất hoàn.

Thuật rằng: “Bốn căn dứt hẳn” nghĩa là ưu, khổ, nữ, nam, lìa dục. Bảy căn diệt khởi, như thuyết Dự Lưu. Nếu nhập tĩnh lự, bốn căn dứt hẳn, sáu căn diệt khởi, hễ diệt thì không khởi, hễ khởi thì không diệt, đắc quả Bất hoàn.

Thuật rằng: “Sáu căn diệt khởi, tín, tấn, niệm, định, tuệ, căn và hỷ, ý, căn. Hễ diệt thì không khởi, hễ khởi thì không diệt, nghĩa là hỷ, ý căn. Nếu từ Nhất lai dùng đạo vô lậu chứng quả Bất Hoàn. Không nhập tĩnh lự, bốn căn dứt hẳn. Tám căn diệt khởi được quả Bất Hoàn.

Thuật “tám căn diệt khởi” nghĩa là đối với bảy căn thêm tri căn. Nếu nhập tĩnh lự thì bốn căn dứt hẳn. “Bảy căn diệt khởi”, hễ diệt thì không khởi, hễ khởi thì không diệt, đắc quả Bất Hoàn.

Thuật: “Bảy diệt khởi” nghĩa là năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ căn) và ý (tri căn). “Hễ diệt thì bất khởi” là xả căn. “Hễ khởi thì bất diệt” là hỷ căn. Có mấy căn dứt hẳn diệt khởi, đắc quả A-la-hán.

Đáp: Nếu y theo “định vị chí” chứng quả A-la-hán. Một căn dứt hẳn. Bảy căn dứt hẳn diệt khởi. “Hễ diệt thì bất khởi”, “Hễ khởi thì bất diệt”, đắc quả A-la-hán. Nếu y theo Vị chí, Tĩnh lự, Trung gian, tĩnh lự thứ tư, ba định Vô Sắc cũng vậy.

Thuật: “Một căn dứt hẳn” là mạng căn, “bảy căn dứt hẳn diệt khởi” là tín, tấn, niệm, định, tuệ và ý, xả. “Hễ diệt thì bất khởi” là tri căn. “Hễ khởi thì bất diệt” là cụ tri căn. Nếu theo sơ tĩnh lự thì chứng quả A-la-hán. Hai căn dứt hẳn, sáu căn dứt hẳn diệt khởi, hễ căn diệt thì khởi, hễ diệt thì không khởi, hễ khởi thì không diệt, đắc quả A-la-hán. Nếu nương theo tĩnh lự một, hai, ba, thì cũng như vậy.

Thuật: “Hai căn dứt hẳn” nghĩa là mạng, xả căn “sáu căn dứt hẳn diệt khởi” nghĩa là tín, tấn, niệm, định, tuệ căn và ý căn. “Hễ khởi diệt” là tĩnh lự thứ nhất, thứ hai là hỷ căn. tĩnh lự thứ ba là lạc căn. “Hễ diệt thì bất khởi” là tri căn. “Hễ khởi thì bất diệt” là “cụ tri căn”.

Luận chép: Từ câu nay nên nghĩ chọn: Dưới có ba hàng tụng: Là thứ tư nói: Tùy thành tựu, một căn chắc chắn thành căn nhiều ít, trong đó hữu định thành ba, bốn, năm, bảy, tám, mười một, mười ba căn.

Không chắc chắn thành một, hai, sáu, chín, mười, mười hai, mười bốn căn.

Luận chép: Cho đến đều chắc chắn thành tựu: Là giải thích chắc chắn thành ba, trong đó có hai:

Trước nói ba căn chắc chắn thành. Sau nói ba căn khác không chắc chắn. Trong “mạng, ý, xả” cho đến các căn còn lại: Đây là nói ba căn chắc chắn thành. Ba căn ở tất cả thời, xứ, vị đều chắc chắn thành. Tất cả chúng sanh phải có mạng căn và chung đại địa. Định có ở thọ. Trong năm thọ xả khắp tất cả.

#### **54. Giải thích:**

Luận chép: Từ câu “Trừ bỏ ba căn” này cho đến “hoặc bất thành tựu”.

Dưới đây là giải thích: “Căn khác bất định, trước chung sau riêng. Đây là giải thích chung.

#### **55. Giải thích riêng:**

Luận chép: Từ câu trong đây bốn căn mắt, tai, mũi, lưỡi: Trở xuống là giải thích riêng. Gồm có mười chín căn bất định, loại đồng tức hợp thích. Mắt, tai tử thiệt loại đồng tức hợp thích. Có hai nơi không

thành, đó là:

1. Sanh cõi Vô Sắc.
2. Chưa được đã mất.

Thân căn chỉ một chỗ không thành, đó là sanh cõi Vô Sắc. “Hai nam căn nữ, hai xứ bất thành” nghĩa là cõi trên và chưa được đã mất. Lạc, hỷ, căn xứ chắc chắn không thành, nghĩa là dị sanh sanh ba định trở lên.

Câu “Dị sanh” lựa chọn bậc Thánh. Bậc Thánh sanh thượng thành hạ căn hỷ lạc vô lậu. Chỗ gốc khổ chắc chắn không thành tựu, nghĩa là sanh lên hai cõi trên. Loại Ưu căn chắc chắn bất thành, là “Nhất thiết lìa dục tham” hai căn này chỉ hữu lậu nên không phân biệt phạm Thánh. Văn còn lại rất dễ hiểu.

#### **56. Giải thích mười chín căn:**

Luận chép: Từ câu: “đối với chẳng phải già vị” cho đến “đều chắc chắn thành tựu”: Là giải thích mười chín căn ở phi già vị định thành tựu.

“Tất cả xứ chẳng phải già” tức là ba căn: Mạng, ý, xả ở trước.

#### **1) Thành bốn căn:**

Luận chép: “Nếu thành lạc” cho đến “và thân căn này”: Là giải thích thứ hai: Chắc chắn thành bốn. Nếu thành tựu lạc và thân căn, định thành ý, mạng, xả. bậc Thánh sanh cõi Vô Sắc, thành tựu lạc bất thành thân căn. Dị sanh sanh, định thứ tư, thành tựu thân căn, không thành tựu lạc căn. Hai căn: Thân và lạc này không thành định lẫn nhau.

#### **2) Thành năm căn:**

Luận chép: Từ câu “Nếu thành mất” cho đến “xả, lạc, hỷ, căn”: Là giải thích: Chắc chắn thành năm căn. Mất, tai, lưỡi, thiệt, thân. Phải y theo thân, thành hỷ phải thành lạc, cho nên chắc chắn thành năm căn.

Luận chép: Từ câu “Tĩnh lự thứ hai” cho đến “đây thành lạc căn nào”: Là Ngoại đạo vặn hỏi: Chưa được tĩnh lự thứ ba xả cõi Dục. Sơ định lạc căn, chưa được tĩnh lự thứ ba, chắc chắn thành... lạc căn nào?

- Luận chép: Từ câu “nên nói thành tựu” cho đến còn lại chưa đắc.

Đáp: Các tịnh vô lậu, lạc khác còn chưa được. Nếu thành lạc căn hỷ thì bất định. Nghĩa là Dị sanh sanh, định thứ ba thành tựu lạc căn, không thành hỷ căn. Nếu thành hỷ căn, thì chắc chắn thành lạc. Bậc Thánh sanh lên cõi trên thành vô lậu, hẳn thành vô lậu lạc, dị sanh sanh định thứ hai thì thành vui nhiễm ô .

3) *Thành bảy căn:*

Luận chép: Nếu thành gốc khổ, cho đến bốn thọ trừ ưu: Là giải thích chắc chắn thành bảy, thành gốc khổ chắc chắn thân ở cõi Dục. Thân và bốn thọ chắc chắn thành tựu. Ưu lià dục xả, cho nên người có khổ sẽ được vô ưu.

4) *Thành tám căn:*

Luận chép: Từ câu “nếu thành căn nữ” cho đến “tín, tấn, niệm, định, tuệ căn”. Đây là giải thích chắc chắn thành tám căn. Nếu thành tựu nữ, nam, ưu căn. Thì thân chắc chắn ở cõi Dục, cho nên bảy như khổ thuyết.

Thứ tám tức là nam cùng lúc, nữ cùng lúc, ưu căn. Có nam, nữ, căn gồm cả lià dục, ưu chẳng chắc chắn thành, có ưu căn thì vô hình, hai căn nam, nữ, chẳng chắc chắn thành tựu. Nếu thành năm căn như Tín căn v.v... thì chắc chắn thành tám căn, ba căn: Ý, mạng, xả, tất cả đều có nên chắc chắn thành ba căn. “Dị sanh sanh” cõi Vô Sắc. Không có bảy sắc căn và bốn thọ cho nên là Dị sanh nên không thành ba căn vô lậu. Do đó chỉ có tám căn định, mười bốn bất định.

Luận chép: Từ câu “Nếu thành tựu cụ tri căn” cho đến “và dĩ tri căn”. Nếu A-na-hàm sanh cõi Vô Sắc đắc quả A-la-hán, thì không thành tựu bảy sắc, ưu khổ. Ba căn vô lậu không thành. Mười một căn như mắt... không chắc chắn thành. Nếu nghĩa thành tựu dĩ tri căn, cũng như trên.

5) *Thành mười ba căn:*

- Luận chép: Từ câu “Nếu thành tựu vị tri căn” cho đến “và vị tri căn”: Là giải thích: chắc chắn thành mười ba căn. Vì Thấy đạo định nương theo cõi Dục, như trước có thân, khổ, người đã lià dục thì nhập thấy đạo, ưu căn chẳng chắc chắn thành, không có bốn căn: Mắt, tai, lưỡi, thiệt được nhập thấy đạo. Mắt, tai, lưỡi, thiệt căn bất định. Căn nam, căn nữ, xả mạng được bất thành tựu, nên chẳng chắc chắn thành. “Luận Chánh Lý” chép: “Nếu thành vị tri căn, thì chắc chắn thành mười ba căn: Nghĩa là thân, mạng, ý, khổ, lạc, hỷ, xả, tín, tấn, niệm, định, tuệ và vị tri căn”. “Qua đời dần vị” theo truyền thuyết thâm tâm nhằm chán sanh tử, nên có thể nhập thấy đạo trở lên, nên qua đời dần không có nam, căn nữ, cũng được nhập Thánh vị. Không thể giải thích rằng: Lấy nam, nữ thay nhau thành hay không thành nên không nói. Nam, nữ đắp đổi con số chung là mười bốn. Vì sao luận chỉ nói mười ba. Nếu nam nữ đắp đổi nhau không vì bất định, không nói mười bốn, tức là nghĩa của các sư Tây phương. Còn sư Ca-thấp-di-la thì nói: “Trong đây

chỉ nói con số mà không nói tên”, nên luận Tỳ-bà-sa quyển 156 chép: “Nếu thành tựu căn nam, căn nữ, thì chắc chắn thành tựu quá khứ, vị lai là chín. Ba đời là hai. Hiện tại là bốn. Quá khứ, vị lai là bốn. Quá khứ chín, đó là bốn thọ; năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ. Ba đời là hai nghĩa là ý, một thọ. Hiện tại bốn, nghĩa là căn nữ, căn nam, thân, mạng, còn lại bất định như đã nói ở trước. Sư phương Tây lẽ ra nói: “Quá khứ, vị lai, chắc chắn thành mười, nghĩa là năm thọ, năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ). Ba đời chắc chắn thành một. Nghĩa là ý, thọ, danh bất định”. Nên các sư Ca-thấp-di-la nói: “Tên tuy bất định, nhưng con số thì chắc chắn, hẳn có một thọ hiện ra trước. Trong đây nói số không nói tên”. Lại nói: “Nếu thành tựu vị tri đương tri căn, chắc chắn thành tựu ba đời bảy, Quá khứ vị lai ba, vị lai hiện tại một, Hiện tại hai, “ba đời bảy”, là ý, một thọ, năm căn: là Tín, tấn, niệm, định, tuệ”.

**57. Nói về ba thọ:**

“Quá khứ vị lai ba” nghĩa là ba thọ, “Vị lai hiện tại một”, nghĩa là vị tri đương tri căn. “Hiện tại hai”, nghĩa là thân và mạng, hai thuyết này như đã nói ở trên. Theo văn luận trên, cho nên biết căn nam, căn nữ chẳng phải thay nhau mà có bất định nên không nói.

Hỏi: Nếu thế vì sao “Luận Chánh Lý”: Quyển chín chép: Nói “Nhất hình” là không có hai hình, và vô hình đắc Thánh pháp.

Đáp: Đây là nói bản tánh vô hình và dứt bỏ vô hình không thể đắc quả Thánh, chẳng phải qua đời dần. Y theo văn Tỳ-bà-sa. Không được hiểu khác. Vô hình là tánh ác, Bất định không được chứng quả Thánh. “Qua đời dần” vì rất nhàm chán sanh tử, có thể chứng quả Thánh nên nghĩa khác nhau.

Hỏi: “Qua đời dần”, vô hình có đắc giới hay không?

Đáp: Cũng đắc giới. Vô hình không đắc giới Không cứ “Qua đời dần”. vô hình không đắc giới là y theo theo bản tánh tổn hại vì nhiều phiền não v.v... “Qua đời dần” là tánh vẫn chưa chuyển làm sao đắc giới. Còn Qua đời dần, là mạng chúng đồng phần, vốn căn nam, căn nữ nương theo qua đời dần nên không đắc giới. Chẳng phải sở y của vô căn. Chúng đồng phần, vì sao không được đắc giới? “Qua đời dần” nếu nhập vô tâm cũng đắc giới. Thọ duyên đủ nên chẳng phải bất luật nghi có Qua đời dần đắc giới. Khi qua đời dần không thọ việc nên khác với luật nghi.

Luận chép: “Các cực thiếu”: Dưới một hàng tụng, thứ năm là nói: “Thành căn rất ít”.

Luận chép: Cho đến “và thân, mạng, ý”.

Giải thích hai câu đầu của bài tụng: “Cực thiếu thành tám, không thành tám”. Chỉ ở hai vị cực Thiếu thành tám, nghĩa là hễ dứt gốc lành thì chắc chắn thành năm thọ và thân, ý, mạng. Chắc chắn không thành tám: Tín, tấn, niệm, định, tuệ và ba căn vô lậu.

Sáu căn bất định, nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi căn và căn nam, căn nữ đều có bất thành.

#### **58. Giải thích thọ:**

Luận chép: Thọ nghĩa là cho đến “đặt tên tròn đầy, nương theo đó giải thích thọ.

Luận chép: Từ câu “Như dứt gốc lành” cho đến “Ngu sanh cõi Vô Sắc, cho nên giải thích hai câu sau của bài tụng.

“Thành tám căn”, nghĩa là năm căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ và mạng, ý, xả.

“Mười bốn định, bất định”: Là bảy sắc căn, và ưu, khổ, hỷ, lạc và ba căn vô lậu.

“Dứt thiện” thì ít nhất thành tám, nhiều nhất là mười bốn căn.

“Ngu sanh Vô Sắc” chỉ thành tám căn, càng không có lý tăng thêm.

Tỳ-bà-sa quyển 150 chép: Tùy tín hành nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Mười chín căn là trừ một hình và hai căn vô lậu. Tức chưa lia dục nhiễm mà trụ thấy đạo. Mười ba căn là thân, mạng, ý, bốn thọ và năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ căn) và một căn vô lậu. Tức đã lia dục nhiễm, qua đời dần vị nhập thấy đạo.

Hỏi: Vì sao vị này có thể nhập thấy đạo.

Đáp: Là thọ hành trong một thời kỳ sống, thường nhằm chán sanh tử. Khi qua đời tâm thọ khổ xúc chạm gây nhằm chán càng tăng thêm có thể nhập thấy đạo như Tùy tín hành. Tùy pháp hành cũng như vậy.

#### **59. Về môn Cực đa:**

Luận chép: “Các cực đa” là một hàng dưới của bài tụng, thứ sáu là nói: Về môn cực đa, thành tựu nhiều nhất là . Mười chín căn có hai giai vị:

1) Giai vị phàm.

2) Giai vị Thánh.

“Phàm” Là hai hình. Chỉ trừ ba căn vô lậu.

“Thánh” nghĩa là chưa lia dục tham. Trừ hai vô lậu và trừ bất cứ một hình. “Luận Câu-xá” này giải thích câu bốn của bài tụng.

“Trừ hai vô lậu và trừ một hình, cho đến căn nam, căn nữ tùy trừ một thứ. Vì các bậc Thánh không có hai hình. Văn này nói “cực đa”,

văn kia nói “một hình” nhưng ngăn có hai chữ không ngăn vô hình, “Nếu hữu vô” chẳng phải “cực đa”. Luận Câu-xá giải thích không trái với chắc chắn thành mười ba căn “Luận Chánh Lý” giải thích câu bốn: “Trừ hai vô lậu và trừ một hình cho đến nói một hình” là không có hai hình và vô hình đặc pháp của bậc Thánh.

Thuật rằng: “vô hình” ở đây là bản tánh dứt trừ là sai. Qua đời dẫn khác với ý trước.

